

Nguyễn Văn Quyền - Uyên Uyên - Nguyễn Hương Ly

• ÔN HÈ •

TIẾNG VIỆT 3

Dành cho học sinh lớp 3 lên lớp 4



- ✓ Hệ thống kiến thức năm học lớp 3
- ✓ Ôn tập chuyên đề từ cơ bản đến nâng cao
- ✓ Đáp án chi tiết
- ✓ Đề khảo sát đầu năm học



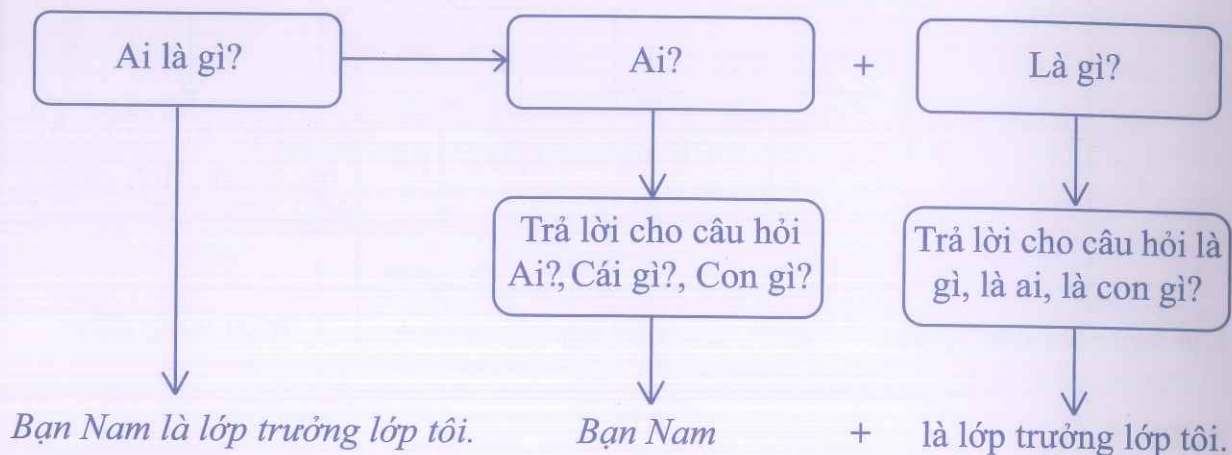
NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI



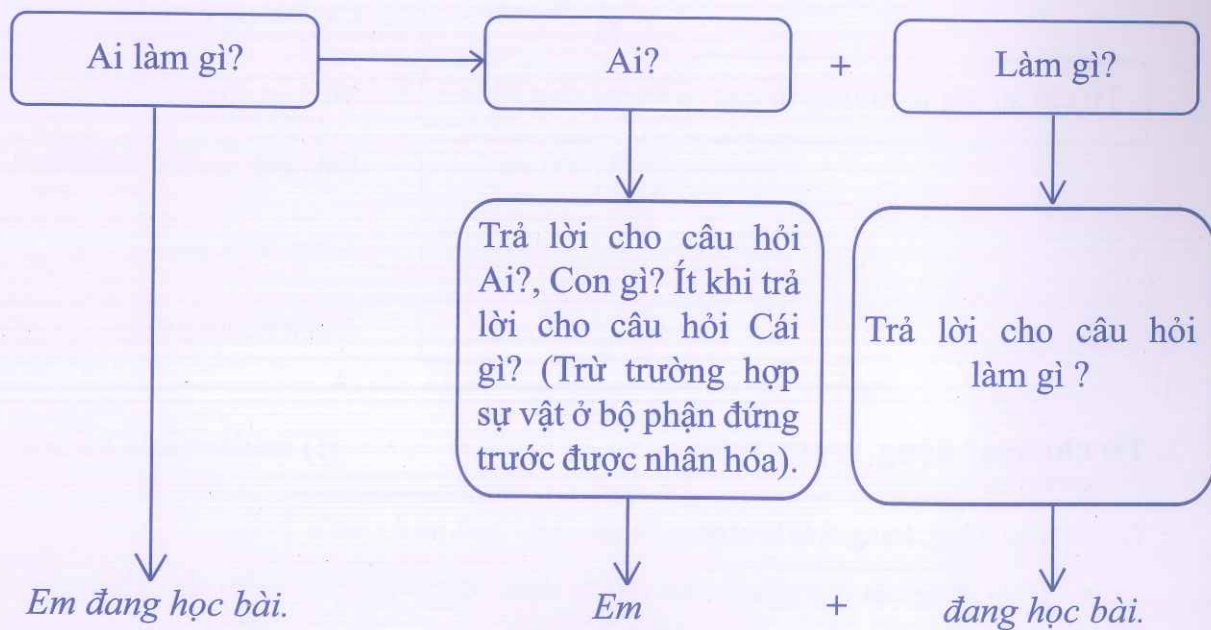


I. KIỂU CÂU

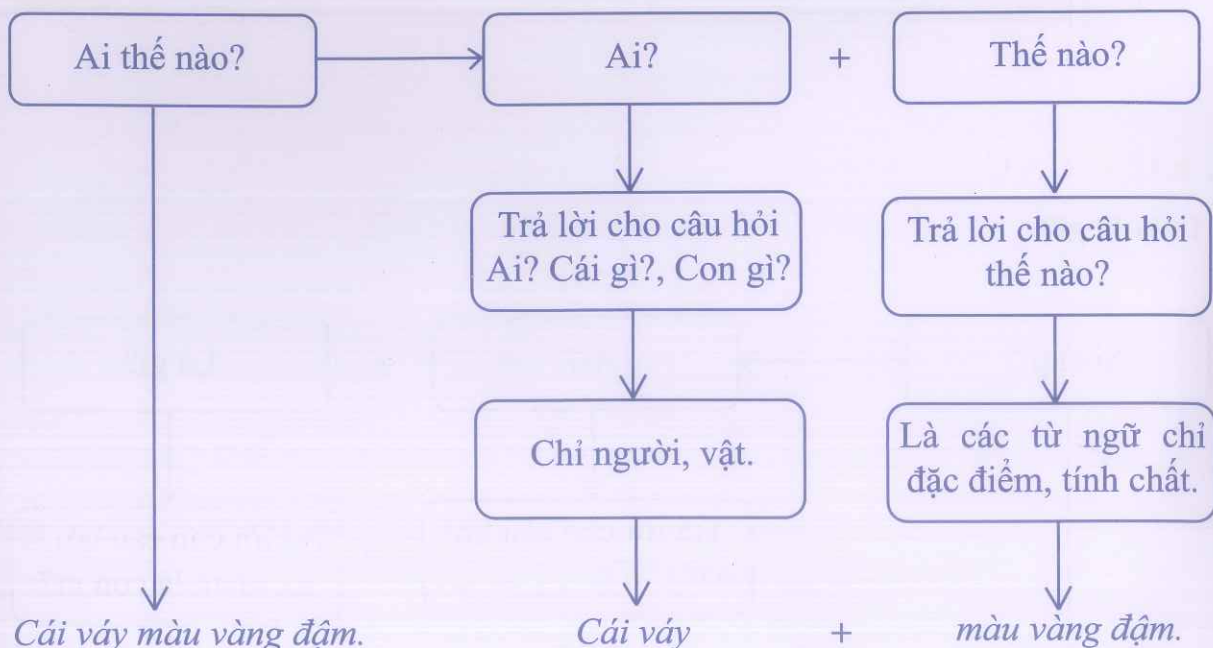
1. Ai là gì?



2. Ai làm gì?



3. Ai thế nào?



II. TỪ LOẠI

1. Từ chỉ sự vật

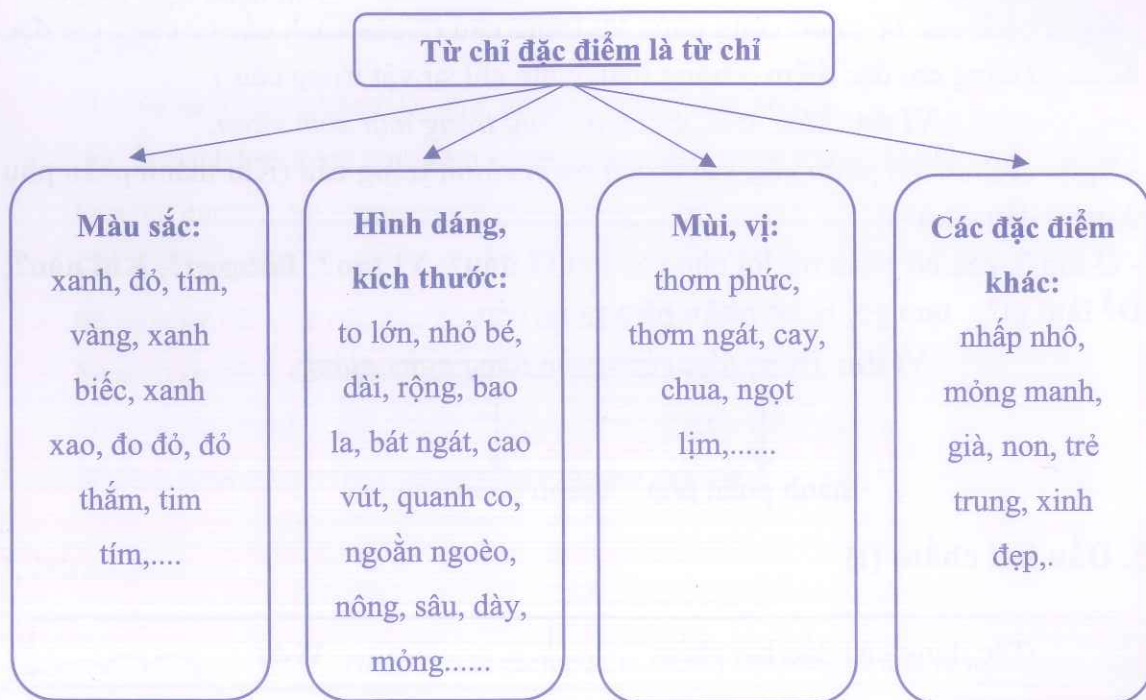


2. Từ chỉ hoạt động, trạng thái

Từ chỉ hoạt động, trạng thái là những từ chỉ:

- *Hoạt động* của con người, con vật: đi, đứng, đọc, viết, quét (nhà), lăn, chạy,...
- *Trạng thái* trong một khoảng thời gian: ngủ, buồn, thức, vui, yêu, ghét,...

3. Từ chỉ đặc điểm



III. DẤU CÂU

1. Dấu chấm (.)

Dấu chấm dùng để kết thúc câu kể.

Ví dụ: Em là học sinh lớp 3A.

2. Dấu chấm hỏi (?)

Dấu chấm hỏi đặt ở cuối câu hỏi.

Ví dụ: Hôm nay, ở lớp con có vui không?

3. Dấu chấm than (!)

Dấu chấm than dùng ở cuối câu bộc lộ cảm xúc.

Ví dụ: A, mẹ đã về!

4. Dấu phẩy (,)

- Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu (Ngăn cách các từ cùng chỉ đặc điểm, từ cùng chỉ đặc điểm – trạng thái, cùng chỉ sự vật trong câu.)

Ví dụ: Mèo, chó, gà cùng sống trong một xóm vườn.

- Ngăn cách thành phần phụ với thành phần chính trong câu (Khi thành phần phụ đứng ở đầu câu).

- Ở lớp 3, các bộ phận trả lời cho câu hỏi **Ở đâu?**; **Vì sao?**; **Bằng gì?**; **Khi nào?**; **Để làm gì?**... tạm gọi là **bộ phận phụ** trong câu.

Ví dụ: Trong lớp, chúng em đang nghe giảng.

↓ ↓
thành phần phụ thành phần chính

5. Dấu hai chấm (:)

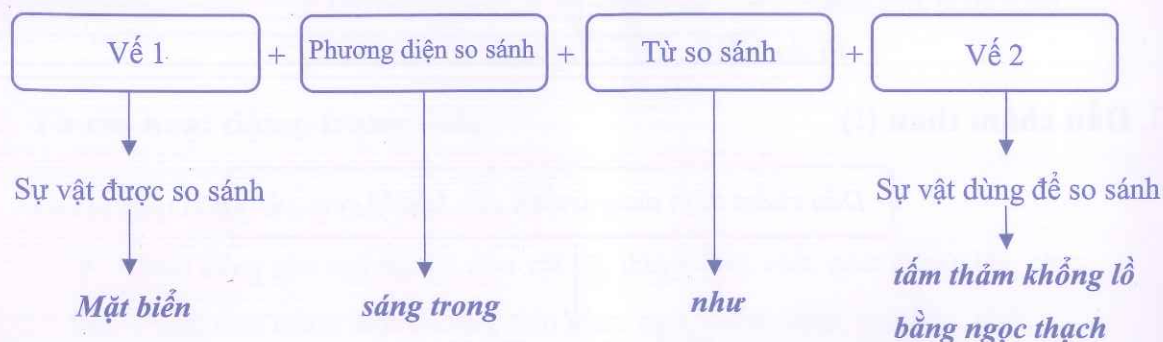
Tác dụng của dấu hai chấm	Ví dụ
Báo hiệu bộ phận đứng sau là lời nói trực tiếp của nhân vật . (Dấu hai chấm ở trường hợp này thường được dùng phối hợp với dấu ngoặc kép (“ ”) hoặc dấu gạch ngang (-).	Mẹ hỏi em: - “Hôm nay ở lớp con có vui không?”
Báo hiệu bộ phận đứng sau là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.	Cảnh vật xung quanh tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

IV. BIỆN PHÁP TU TỪ

1. So sánh:

a) Cấu tạo: gồm 4 yếu tố:

Ví dụ: “Mặt biển sáng trong như tấm thảm khổng lồ bằng ngọc thạch.” (Vũ Tú Nam)



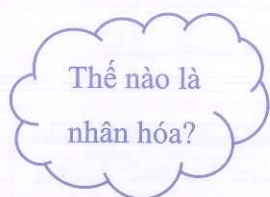
b) Dấu hiệu nhận biết:

- Qua từ so sánh:
 - So sánh ngang bằng: là, như, tựa như, giống như, như là, ...
 - So sánh hơn kém: hơn, kém, chẳng bằng, chưa bằng, không bằng, ...
- Qua nội dung: 2 đối tượng có nét tương đồng được so sánh với nhau.

c) Các kiểu so sánh

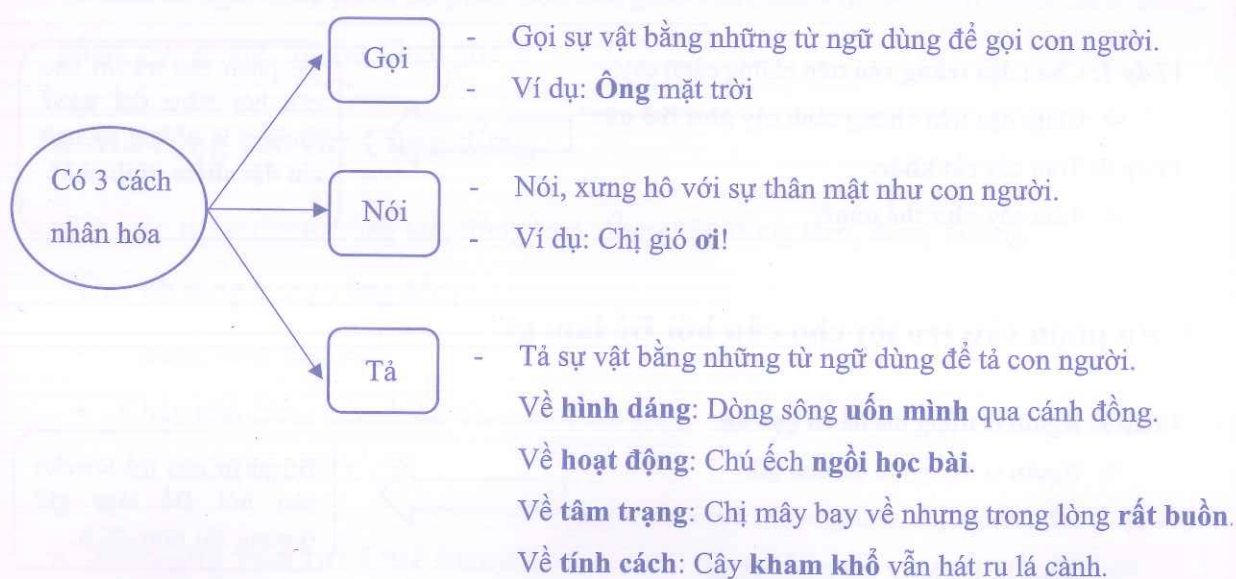
- So sánh **sự vật – sự vật**: Hai bàn tay em **như** hoa đầu cành.
- So sánh **sự vật – con người**: Ngôi nhà **như** trẻ nhỏ.
- So sánh **âm thanh – âm thanh**: Tiếng suối trong **như** tiếng hát xa.
- So sánh **hoạt động – hoạt động**: Chân đi **như** đạp đất.

2. Nhân hóa:



Nhân hóa là cách gọi, tả các sự vật bằng những từ ngữ được dùng để gọi, tả người làm cho chúng có hoạt động, tính cách, suy nghĩ giống như con người. Làm cho chúng trở nên sinh động, hấp dẫn, gần gũi và có hồn hơn.

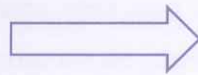
Ví dụ: Ông mặt trời tươi cười chào ngày mới.



V. CÁC BỘ PHẬN CỦA CÂU

1. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Khi nào?

- Ví dụ 1: Ở trường, em vui nhất **khi được điểm tốt**.
⇒ Ở trường, em vui nhất **khi nào**?
- Ví dụ 2: Tháng sáu, học sinh được nghỉ hè.
⇒ **Khi nào** học sinh được nghỉ hè?



Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Khi nào**? thường chỉ **thời gian**.

2. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Ở đâu?

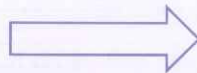
- Ví dụ 1: Trên sân, lũ trẻ đang chơi đuổi bắt.
⇒ Lũ trẻ đang chơi đuổi bắt **ở đâu**?
- Ví dụ 2: Em ngồi đọc sách **ở thư viện**.
⇒ Em ngồi đọc sách **ở đâu**?



Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Ở đâu**? thường chỉ **địa điểm, nơi chốn**.

3. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Vì sao?

- Ví dụ 1: Vì **lười học**, nên em không đạt điểm tốt.
⇒ **Vì sao** em không đạt điểm tốt?
- Ví dụ 2: Không được bơi ở đoạn sông này **vì có nước xoáy**.
⇒ Em không được bơi ở đoạn sông này **vì sao**?



Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Vì sao**? thường chỉ **nguyên nhân, lí do**.

4. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Như thế nào?

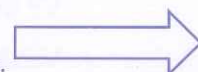
- Ví dụ 1: Chim đậu **trắng xóa** trên những cành cây.
⇒ Chim đậu trên những cành cây **như thế nào**?
- Ví dụ 2: Trâu cày **rất khỏe**.
⇒ Trâu cày **như thế nào**?



Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Như thế nào**? thường là những từ ngữ chỉ **đặc điểm, tính chất**.

5. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Để làm gì?

- Ví dụ 1: Người ta trồng lúa **để có gạo ăn**.
⇒ Người ta trồng lúa **để làm gì**?
- Ví dụ 2: **Để chống dịch**, chúng ta nên đeo khẩu trang.
⇒ Chúng ta đeo khẩu trang **để làm gì**?



Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Để làm gì**? thường chỉ **mục đích**.

6. Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi Bằng gì?

- Ví dụ 1: Bằng sự quyết tâm, em đã đạt điểm tốt.

⇒ Em đạt điểm tốt bằng gì?

- Ví dụ 2: Em ăn cơm bằng thìa.

⇒ Em ăn cơm bằng gì?



Bộ phận câu trả lời cho câu hỏi **Bằng gì?** thường bắt đầu bằng từ “**bằng**”

VI. MỞ RỘNG VỐN TỪ

1. Mở rộng vốn từ: Thiếu nhi

- Từ chỉ trẻ em: thiếu nhi, thiếu niên, nhi đồng, trẻ con, trẻ nhỏ,...
- Từ chỉ tính nết của trẻ em: ngoan ngoãn, lễ phép, chăm chỉ, ngây thơ, hồn nhiên, tinh nghịch, hiếu động,...
- Từ chỉ tình cảm hoặc sự chăm sóc của người lớn đối với trẻ em: thương yêu, che chở, chăm sóc, nâng niu, cưng chiều...

2. Mở rộng vốn từ: Gia đình

- Các từ ngữ: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác...

3. Mở rộng vốn từ: Trường học

- Các từ ngữ: thầy giáo, cô giáo, học trò, giáo viên, bác bảo vệ, thời khóa biểu, bảng, phấn, bục giảng, lớp học, bàn ghế...

4. Mở rộng vốn từ: Cộng đồng

Từ ngữ: cộng đồng, cộng tác, đồng bào, đồng đội, đồng tâm, đồng hương,...

Thái độ sống trong cộng đồng:

- Chung lưng đấu cật.
- Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại.
- Ăn ở như bát nước đầy.

5. Mở rộng vốn từ: Quê hương

- Các từ ngữ: quê quán, giang sơn, nơi chôn rau cắt rốn.
- Chỉ sự vật ở quê hương: cây đa, dòng sông, con đò, mái đình, ngọn núi, phố phường
- Chỉ tình cảm đối với quê hương: gắn bó, nhớ thương, yêu quý, thương yêu, bùi ngùi, tự hào.

6. Mở rộng vốn từ: Từ địa phương

Ví dụ:

- Từ dùng ở miền Bắc: bố, mẹ, anh cả, quả, hoa, dưa, sắn, ngan.
- Từ dùng ở miền Nam: ba, má, anh hai, trái, bông, thơm, khóm, mì, vịt xiêm.

7. Mở rộng vốn từ: Các dân tộc

- Nước ta có 54 dân tộc anh em.
- Dân tộc thiểu số là những dân tộc ít người.
- Họ sống chủ yếu ở vùng miền núi, vùng sâu vùng xa.
- Ví dụ tên một số dân tộc: Mường, H'Mông, Tày, Nùng, Thái, Dao, Ê đê, Mơ Nông, Nùng, Dao, Ba Na, Chăm, Khơ Me,...

8. Mở rộng vốn từ: Thành thị và nông thôn

- **Từ ngữ chỉ thành thị:** Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ,...
- **Các sự vật hoặc công việc ở thành phố:** nhà cao tầng, đường nhựa, xe buýt, thang máy, siêu thị, trung tâm thương mại, công viên, nhà máy, xí nghiệp, khu vui chơi giải trí, chế tạo, nghiên cứu,....
- **Từ ngữ chỉ nông thôn:** cánh đồng, ruộng khoai, cánh điều, trườn dê, đường đất, cây đa, con trâu, cây ruộng,...

9. Mở rộng vốn từ: Trí thức

- Nghề nghiệp trí thức: bác sĩ, giáo viên, nhà khoa học, kỹ sư, y tá, giảng viên, chuyên viên,...
- Các hoạt động: dạy học, nghiên cứu, chế tạo, thiết kế, khám chữa bệnh,...

10. Mở rộng vốn từ: Nghệ thuật

- Các từ ngữ: múa, hát, nhạc kịch, xiếc, ảo thuật, điện ảnh,....
- Từ chỉ người hoạt động nghệ thuật: diễn viên, nghệ sĩ, ca sĩ, đạo diễn, biên kịch, dựng phim, họa sĩ,....
- Từ chỉ các hoạt động nghệ thuật: đóng phim, diễn, hát, múa, vẽ, sáng tác....

11. Mở rộng vốn từ: Lễ hội

- Một số lễ hội: lễ hội đền Hùng, lễ hội Chùa Hương, lễ hội đền Gióng, lễ hội bà Chúa Xứ...
- Một số hội: hội bơi chải, hội chọi trâu, hội Lim,...
- Một số hoạt động trong lễ hội: dâng hương, rước kiệu, kéo co, nấu cơm thi, đua thuyền, chơi cờ người,...

12. Mở rộng vốn từ: Thể thao

- Một số môn thể thao: bóng đá, cờ vua, bơi lội, điền kinh, bóng chuyền, cử tạ....

13. Mở rộng vốn từ: Thiên nhiên

- Từ ngữ về thiên nhiên: mưa, mây, gió, nắng, bão, sấm chớp, bão tuyết, núi, sông, biển, mặt đất, bầu trời, vũ trụ...

14. Mở rộng vốn từ: Các nước

- Một vài nước: Lào, Campuchia, Anh, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

VII. TẬP LÀM VĂN

1. Kể lại buổi đầu tiên em đi học.

Gợi ý:

- Giới thiệu về ngày đầu tiên đi học (thời gian, thời tiết, cảnh vật)?
- Các em học sinh đã chuẩn bị cho buổi đi học đó như thế nào?
- Ai là người đưa em tới trường?
- Hôm đó trường học (lớp học) trông như thế nào?
- Cảm xúc đầu tiên của em về buổi đầu tiên đi học?

2. Kể về người hàng xóm.

Gợi ý:

- Người hàng xóm mà em yêu quý là ai? Người đó bao nhiêu tuổi?
- Người đó làm nghề gì? Công việc hàng ngày của người đó như thế nào?
- Hình dáng, tính tình người đó có gì nổi bật?
- Tình cảm của em và người đó như thế nào?

3. Viết thư để hỏi thăm một người bạn và kể cho bạn nghe về một vùng quê mà em thích.

Gợi ý:

- Lời xưng hô, lời chào và lí do viết thư.
- Lời hỏi thăm của em dành cho bạn.
- Nơi em định kể tên là gì, ở đâu?
- Cảnh vật ở đó có gì ấn tượng?
- Con người ở đó như thế nào?
- Em thấy ấn tượng nhất điều gì ở đó?
- Lời chúc và mong muốn của em dành cho bạn, kí tên cuối thư.

4. Viết thư cho một bạn ở miền Nam, hoặc miền Trung để làm quen và hẹn bạn cùng thi đua học tốt.

Gợi ý:

- Thời gian, địa điểm viết thư. Lời xưng hô, lời chào và lí do viết thư.
- Hỏi thăm tình hình học tập của bạn, hỏi thăm về trường, lớp của bạn.
- Kể cho bạn nghe về thành tích và tình hình học tập của em trong thời gian vừa qua.
- Hẹn bạn cùng thi đua học tốt, đưa ra mục tiêu, kế hoạch học tập rõ ràng.
- Lời chúc và mong muốn, hẹn bạn phản hồi, kí tên cuối thư.

5. Bố (mẹ) em hiện tại đang đi công tác xa. Em hãy viết một bức thư hỏi thăm sức khỏe, công việc của bố (mẹ) và kể về việc học tập của mình ở nhà.

Gợi ý:

- Lời xưng hô, lời chào và lí do em viết thư. Lời hỏi thăm của em về sức khỏe và công việc của bố mẹ.
- Kể cho bố mẹ nghe về việc học tập của em ở nhà.
 - + Em đã cố gắng học tập như thế nào?
 - + Em đã hoàn thành bài tập về nhà và hăng hái khi học ở lớp ra sao?
- Khi bố mẹ đi xa, em cảm thấy điều gì?
- Tình cảm em dành cho bố mẹ như thế nào?
- Lời chúc và mong muốn của em dành cho bố mẹ, kí tên cuối thư.

6. Viết thư cho một người bạn mới để làm quen và giới thiệu với bạn về ngôi trường em đang học.

Gợi ý:

- Lời xưng hô đầu thư, lời chào và lí do em viết thư.
- Em giới thiệu tên, tuổi, lớp học. Em giới thiệu về trường học: tên trường, các môn học ở trường, thầy cô ở trường, những điều ở trường mà em cảm thấy yêu thích nhất.
- Tỏ rõ mong muốn của em khi được làm quen với bạn.
- Lời chúc và kí tên cuối thư.

7. Kể về một cảnh đẹp nơi em đang ở.

Gợi ý:

- Nơi em ở có cảnh đẹp nào mà em thấy thích nhất?
- Cảnh đẹp có gì nổi bật?
- Phong cảnh xung quanh (nhà cửa, cây cối...) như thế nào?
- Cảnh đẹp đó thu hút người khác bởi điều gì?
- Em có cảm nghĩ hay mong muốn gì khi được tham quan cảnh đẹp đó?

8. Giới thiệu về các hoạt động của tổ em trong tháng vừa qua cho một đoàn khách đến thăm lớp em.

Gợi ý:

- Lời chào của em dành cho đoàn khách.
- Lớp em là lớp mấy, lớp có bao nhiêu bạn?
- Tháng vừa qua, tổ em đã tham gia những hoạt động nào?
- Các bạn trong tổ đã tham gia các hoạt động với tinh thần ra sao?
- Tổ em đạt được kết quả như thế nào khi tham gia các hoạt động đó?
- Em mong muốn điều gì với tổ em trong tháng sau?
- Lời cảm ơn và lời chúc của em dành cho đoàn khách.

9. Kể về một ngày hội mà em biết.

Gợi ý:

- Đó là hội gì?
- Hội được tổ chức khi nào, ở đâu?
- Mọi người đi xem hội như thế nào?
- Hội được bắt đầu bằng hoạt động gì?
- Hội có những trò vui gì (chơi cờ, đấu vật, kéo co, đua thuyền, ca hát,...)
- Cảm nhận của em về ngày hội đó như thế nào?

10. Kể lại một buổi biểu diễn nghệ thuật mà em được chứng kiến (hoặc xem trên ti vi, sách, báo...)

Gợi ý:

- Đó là buổi biểu diễn nghệ thuật gì: kịch, ca nhạc, múa, xiếc...?
- Buổi diễn được tổ chức ở đâu? Khi nào? Em cùng xem với những ai?
- Buổi biểu diễn có những tiết mục nào?
- Em thích tiết mục nào nhất? Hãy nói cụ thể về tiết mục ấy.

11. Kể lại một buổi lao động của em và mọi người để góp phần bảo vệ môi trường.

Gợi ý:

- Em và mọi người đã làm việc gì? (Ví dụ: chăm sóc cây hoa; nhặt rác; dọn vệ sinh khu vực nơi em sinh sống; ngăn chặn những hành động làm hại cây, hoa, làm bẩn môi trường sống...)
- Kết quả ra sao?
- Cảm tưởng của em sau khi làm việc đó thế nào?

12. Kể về một người lao động trí óc.

Gợi ý:

- Người đó là ai, làm nghề gì?
- Công việc hằng ngày của người đó là gì?
- Người đó làm việc như thế nào?
- Tình cảm của em dành cho người đó?

13. Kể lại một trận thi đấu thể thao.

Gợi ý:

- Đó là môn thể thao nào? Em tham gia hay chỉ xem thi đấu?
- Buổi thi đấu đó được tổ chức ở đâu? Tổ chức khi nào?
- Em cùng xem với những ai? Buổi thi đấu diễn ra như thế nào?
- Kết quả thi đấu ra sao?



Dạng 1: Chính tả

Bài 1. Điền vào chỗ trống:

a) ch hoặc tr

che ở

ở trại

cách ở

con ó

b) l hoặc n

ủa ếp

o ảng

ời ời

ên ộp

ên người

on uốc

c) s hoặc x

ản uất

ọ dừa

ơ uất

thối áo

lao ao

áo trộn

d) d; r hoặc gi

thong ong

á đồ

ồng kê

ồng rã

ong ruồi

áo iết

Bài 2. Điền vào chỗ trống:

a) en hoặc eng

giấy kh 

cái x 

thời h 

đánh h 

b) won hoặc wong

giọt s 

tới tr 

s  núi

mái tr 

c) au hoặc âu

con s 

c  văn

trước s 

cây c 

Bài 3. Điền vào chỗ trống:

a) tr hoặc ch

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng  ung một giàn.

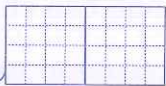
b) l hoặc n

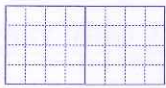
 ong  anh đây  ước in trời

Thành xây khói biếc  on phơi bóng vàng.

Bài 4. Điền vào chỗ trống:

a) uêch hoặc uyü

- Đường đi khúc kh , gồ ghề.

- Bé viết ng  ngọc.

b) ân hoặc âng

Vua vừa dùng ch  , d  trong làng đã d  lên vua
nhiều sản vật để tỏ lòng biết ơn.

Bài 5. Hãy điền “tr” hoặc “ch” vào từ in đậm trong câu nói sau của Bác Hồ:

“Non sông Việt Nam có  ở nên tươi đẹp hay không, dân tộc
Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai cùng các cường
quốc năm  cầu được hay không,  ỉnh là nhờ một phần lớn
ở công học tập của các em.”

Bài 6. Khoanh vào từ ngữ được in đậm trong đoạn văn sau bị viết sai lỗi chính tả?

Khi đã **trưởng** thành, Beethoven đã có một vốn âm nhạc cơ bản cần thiết. Tuy nhiên, Beethoven vẫn muốn tiếp tục học hỏi. Để có thể làm được điều đó, ông đã đến gặp thần tượng của **chính** cha mình là Mozart. Đó là vào năm 1787, Mozart đưa cho Beethoven một đề tài để Beethoven tùy ý biểu **giễn**. Sau khi nghe cậu thể hiện đề tài đó, Mozart đã phải thốt lên **rằng**: “Nhân loại sẽ phải nhắc đến tên anh đấy!”.

Bài 7. Em hãy tìm và gạch chân dưới bốn lỗi sai chính tả trong đoạn văn:

Cầu vồng là hiện tượng quang học thiên nhiên mà hầu như ai trong chúng ta đều từng được chiêm ngưỡng. Cầu vồng bản chất là sự tán sắc ánh sáng mặt trời khi khúc xạ và phản xạ qua các giọt nước mưa. Cầu vồng thực ra có rất nhiều màu sắc, trong đó có 7 màu nổi bật là đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.

Dạng 2: Từ loại



Bài 1. Cho các từ sau: *Người, phượng vĩ, hổ, hòn đá, thác, cá, hoa mai, cây cam, cha mẹ, cô dâu, chú rể, bàn, ghế, dê, hoa tai, cái kéo, thực dược, học sinh, rừng, cánh đồng.* Em hãy sắp xếp các từ trên vào các nhóm từ chỉ sự vật đã học.

- Con người:

- Con vật:

- Cây cối:

- Đồ vật:

- Cảnh vật:

Bài 2. Em hãy gạch dưới các từ ngữ chỉ sự vật trong các đoạn thơ/ văn sau:

a) Những cánh đồng phì nhiêu
Nằm phơi mình ở giữa
Những con sông xanh hồng
Uốn quanh trăm dải lụa.

b) Đã ai lên rừng cọ
Giữa một buổi trưa hè
Gối đầu lên thảm cỏ
Nhìn trời xanh lá che.

c) Hoa sen đã nở
Rực rỡ đầy hồ
Thoang thoảng gió đưa
Mùi hương thơm ngát.

Lá sen thơm mát
Động hạt sương đêm
Gió rung êm đềm
Sương long lanh chạy.

d) Mùa thu, bầu trời cao, trong xanh không một gợn mây. Nắng vàng như mật ong rải xuống khắp nơi. Nắng nô đùa cùng mặt nước, nhảy nhót trên cành cây, bãi cỏ.

Bài 3. Em hãy viết lại các từ chỉ sự vật có trong các câu văn sau:

- a) Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi, đem lại cái lạnh tê tái. Núi đồi, thung lũng, bản làng chìm trong biển sương mù.



- b)** Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràn thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan xa phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm phơi lưng trên gốc cây mục.

[illegible]

Bài 4. Em hãy đặt câu, trong câu có các từ chỉ sự vật sau:

- a) ngôi trường, cây xanh

[illegible]

- b) đường, đèn**

[illegible]

Bài 5. Em hãy gạch dưới các từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái trong các đoạn thơ/ đoạn văn sau:

- a)

Cái ngủ mầy ngủ cho ngoan
Đề chị trải chiếu, buông màn cho em
Chỗ ngoan mau quét sạch thềm,
Hòn bi thức đợi lim dim chân tường.

b) Tôi loay hoay mất một lúc, rồi cầm bút bắt đầu viết: “Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ. Em quét nhà và rửa bát đĩa. Đôi khi, em giặt khăn mùi xoa.”

c) Ông chậm rãi nhân từng nhịp chân trên chiếc xe đạp cũ, đèo tôi tới trường. Trong cái vắng lặng của ngôi trường cuối hè, ông dẫn tôi lang thang khắp các căn lớp trống. Ông còn nhắc bồng tôi trên tay, cho gỗ thử vào mặt da loang lổ của chiếc trống trường.

Bài 6. Gạch dưới các từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái trong các đoạn sau:

Được uống nước, ăn bánh trong căn nhà ấm cúng của ông, lòng Thành dâng lên niềm ân hận. Từ khi Thành chuyển đến, Thành chưa bao giờ chào ông cũng như vào nhà ông chơi lấy một lần.

Như đoán được suy nghĩ của Thành, ông vui vẻ nói:

- Thế là từ nay ông cháu mình quen nhau rồi nhé! Ông là hàng xóm của cháu, cháu cũng là hàng xóm của ông. Hàng ngày, cháu qua chơi với ông cho vui nhé!

Bài 7. Cho các từ sau: “*trắng tinh, chật hẹp, thật thà, rộng rãi, lễ phép, vàng hoe, dũng cảm, đồ chót*” vào ba nhóm từ sau:

- Từ chỉ màu sắc:



- Từ chỉ hình dạng, kích thước:

- Từ chỉ tính nét:

Bài 8. Cho các từ sau: “to béo, lười biếng, cần cù, đen bóng, ngoan ngoãn, trắng trẻo, lễ phép, thông minh, gầy gò, xám xịt, khăng khiu” vào ba nhóm từ sau:

- Từ chỉ màu sắc:

[illegible]

- Từ chỉ hình dáng:

[illegible][illegible]

Bài 9. Em hãy phân loại các từ sau vào bảng dưới đây: *quê hương, lòng lộng, nhờn nhờn, bay bổng, lẫn tẩn, uốn khúc, xuôi ngược, xa tắp, um tùm, riu rít, đẹp, thông minh, mát mẻ, vui vẻ, náo nức, quên, ngủ, cái chổi, sách vở, bố, mẹ.*

[illegible]

Bài 10. Em hãy xếp các từ ngữ được gạch chân trong đoạn sau vào trong bảng:

a) Các loài hoa nghe tiếng hót trong suốt của Họa Mi chọt bùng giắc, xòe những cánh hoa đẹp, bày đủ các màu sắc xanh tươi. Tiếng hót đều đặn của Họa Mi giục các loài chim dạo lên những khúc nhạc tưng bừng, ca ngợi núi sông đang đổi mới.

[illegible]

b) Mấy con chim chào mào từ gốc cây nào đó bay ra hót râm ran. Mưa tanh, phía đông một mảng trời trong vắt hiện ra.

[illegible]

- a) Trong giờ tập đọc, chúng em được nghe cô giáo giảng bài luyện đọc đúng và đọc hay.
- b) Lớp chúng em đi thăm Thảo Cầm Viên Công viên Đầm Sen vào chủ nhật vừa qua.
- c) Bạn Hưng lớp 3B vừa nhận được 2 giải thưởng lớn: giải Nhất cờ vua dành cho học sinh tiểu học của quận giải Nhì chữ đẹp trong kì thi viết chữ đẹp của học sinh tiểu học toàn tỉnh.
- d) Chiếc áo xanh mơ màng của chị Cỏ như tươi hơn đẹp hơn khi có giọt sương mai dính lên.
- e) Cô giáo luôn nhắc nhở chúng em phải chăm học chăm làm và giúp đỡ bố mẹ việc nhà.

Hậu là cậu em họ của tôi sống ở thành phố mỗi lần về quê, Hậu rất thích đuổi bắt bướm, câu cá có khi cả buổi sáng, em chạy tha thẩn trên khắp thửa ruộng của bà để đuổi theo mấy con bướm vàng, bướm nâu một lần, em mãi miết ngồi câu từ sáng đến chiều mới được một con cá to bằng bàn tay.

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

a) Con tìm xem quyển truyện để ở đâu? → ☐

b) Mẹ hỏi tôi có thích đi chợ cùng mẹ không? → ☐

- c) Con chim còn đậu ở trên cây hay không mà tôi cũng không biết? → ☐
- d) Đồng hồ chỉ 5 hay 6 giờ. → ☐

Bài 4. Em hãy tách đoạn văn sau ra thành nhiều câu đơn. Sau đó chép lại đoạn văn và điền dấu câu thích hợp. (Em hãy sử dụng nhiều dấu câu)

Dê Trắng vào rừng tìm lá non bồng gặp Sói Sói quát Dê kia mi đi đâu Dê Trắng run rẩy tôi đi tìm lá non trên đầu mi có cái gì thế đầu tôi có sừng tìm mi thế nào tìm tôi đang run sợ

[illegible]

Bài 5. Em hãy điền dấu hai chấm vào chỗ thích hợp trong đoạn văn sau và nêu tác dụng của dấu hai chấm trong câu đó:

- a) Trần Thủ độ bảo người ấy

- Người có phu nhân xin cho làm chức câu đương, không thể ví như những câu đương khác. Vì vậy, phải chặt một ngón chân để phân biệt.

[illegible]

Tác dụng của dấu hai chấm:

- b)** Người từ khắp các nơi đổ về sân đình xem hội có người từ các làng xung quanh đến, có những người xa quê đi làm ăn nay trở về, có người ở tận Hà Nội cũng lên xem.

[illegible]

Tác dụng của dấu hai chấm:

- c)** Con chuột thứ nhất là con chuột được đưa xuống ăn đầu tiên, nó nói “Mỡ chỉ có một tí như thế này mà mỗi người ăn một ít thì cũng chả bỏ dính răng”.

[illegible]

Tác dụng của dấu hai chấm:

d) Đến khi về thấy lạ
Sân nhà sao sạch quá

Tác dụng của dấu hai chấm:

[illegible]

Bài 6. Em hãy điền dấu câu (dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than) thích hợp vào ô trống:

Hùng cầm cục than đen vẽ lên bức tường trắng một con ngựa đang phi. Thấy bác Thành đi qua, Hùng gọi:

- Bác Thành ơi, bác xem con ngựa cháu vẽ có đẹp không ạ ☐

Thấy bác lắc đầu, Hùng vội hỏi:

- Cái nào không đẹp hở bác ☐

Bác Thành nghiêm nét mặt:

- Cái không đẹp là bức tường mới của trường bị xấu đi rồi đây, cháu a

Hùng ngượng ngịu cúi đầu im lặng.

Bài 7. Em hãy điền dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi hoặc dấu chấm than) thích hợp vào ô trống:

Én sợ hãi kêu lên:

- Chao ôi Nước sông chảy xiết quá

- Con không dám bay qua à ☐ Bố Én hỏi ☐

- Không, con không bay đâu ☐

- Hãy dũng cảm lên con ☐

Bài 8. Em hãy điền dấu câu (dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than, dấu chấm hỏi, dấu hai chấm) thích hợp vào ô trống:

Nguyễn Thị Ánh Viên đã từng nói ☐ “Tôi đã giành nhiều huy chương, phá nhiều kỷ lục ở SEA Games ☐ nhưng tôi sẽ không ngừng phấn đấu. Nếu tôi hài lòng với những gì đã đạt được ☐ tôi là kẻ thất bại ngay từ bây giờ, chứ không phải chờ tới ngày mai ☐ Tôi không nhớ đến chiến thắng, mỗi ngày đều nỗ lực như chưa giành được gì”

Bài 9. Em hãy điền dấu câu thích hợp vào ô trống trong đoạn văn sau:

a) Trên đường đi học về em gặp một bà cụ đang loay hoay mãi vẫn chưa sang được bên kia đường. Em chạy ngay lại nói với bà cụ “Bà ơi cháu giúp bà qua đường nhé ” Bà cụ quay lại nhìn em mỉm cười và gật đầu. Em cầm tay bà và đưa bà sang bên kia đường. Khi sang đến nơi bà nói cảm ơn và khen em ngoan. Cả chiều hôm đó em rất vui vì đã làm được một việc tốt.

b) Trong thời gian ở nước Nga, những ngày mùa đông Bác Hồ đều dậy sớm tập thể dục tay không kết hợp với các loạt tạ và dây chun Mặc cho những ngày đông giá rét ở Paris, lúc đó Bác trở về nhà muộn sau một ngày dài làm việc, vì trời quá lạnh nên Người đã phải ủ một viên gạch cạnh lò sưởi từ sáng để tới đêm đi ngủ ôm cho ấm Ấy vậy mà Bác vẫn dậy tập thể dục và làm công việc cào tuyết từ sớm. Bác Hồ thật đáng ngưỡng mộ biết bao

Bài 10. Em hãy điền dấu câu (dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu chấm) thích hợp vào ô trống:

Để bảo vệ tài nguyên môi trường, học sinh và sinh viên cần phải
- Chấp hành chính sách và pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường
- Tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ tài nguyên, môi trường ở địa phương.
- Vận động mọi người cùng thực hiện, đồng thời xử lý triệt để các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bài 11. Em hãy điền dấu phẩy hoặc dấu chấm vào ô trống trong đoạn văn sau:

a) Mùa thu cô bé gặp biết bao sắc vàng kì diệu: những bông cúc vàng tươi rực rỡ những cánh bướm vàng dập dờn trong nắng những tia nắng thu vàng như những sợi tơ tằm đang thêu lên tất cả đất trời cây cỏ Mùa thu thật là đẹp!

b) Nếu chú ý lắng nghe ta sẽ thấy tiếng ban ngày chẳng giống tiếng ban đêm Ban ngày là con trai mạnh dạn xô bồ hối hả Còn ban đêm là con gái ý tứ rón rén nhẹ nhàng. Lúc con gà báo hiệu bình minh ta bắt gặp bao âm thanh của ngày mới bắt đầu

Dạng 4: Kiểu câu



Bài 1. Em hãy gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Ai?*, gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Là gì?*:

- a) Cô giáo là người mẹ thứ hai của em.
- b) Trẻ em là tương lai của đất nước.
- c) Mẹ là người thầy đầu tiên của em.
- d) Chiếc cặp sách này là người bạn thân nhất của em.
- e) Em là học sinh lớp 4A1.

Bài 2. Em hãy gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Ai?*, gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Làm gì?*:

- a) Đàn cò đang sải cánh trên cao.
- b) Ông ngoại dẫn em đi mua vở.
- c) Em và các bạn cùng vệ sinh lớp học.
- d) Em lau nhà, rửa bát, giặt quần áo, phơi quần áo và làm hết bài tập về nhà.

Bài 3. Em hãy gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Ai?*, gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Thế nào?*:

- a) Chiếc cặp sách của em rất đẹp.
- b) Bộ lông của chú cún con có màu vàng sậm, rất mềm.
- c) Bạn Ly thông minh và chăm chỉ nhất lớp em.
- d) Cô giáo em có một gương mặt xinh đẹp.

Bài 4. Em hãy gạch dưới câu kể *Ai làm gì?* trong đoạn văn sau:

- a) Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà, quét sân. Mẹ đựng hạt giống đầy móm lá cọ, treo lên gác bếp để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón lá cọ, lại còn biết đan cả mảnh cọ. Chúng tôi rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi đầy quanh gốc về om, ăn vừa béo vừa bùi.

- b) Bé treo nón, mặt tinh khô, bẻ một nhánh trâm bầu làm thước. Mấy đứa em chống hai tay ngồi nhìn chị. Làm như cô giáo, Bé đưa mắt nhìn đám học trò, tay cầm nhánh trâm bầu nhịp nhịp trên tấm bảng. Nó đánh vắn từng tiếng. Đàn em riu rít đánh vắn theo.

Bài 5. Em hãy gạch dưới câu kể *Ai thế nào?* trong đoạn văn sau:

Hoa mận vừa tàn thì mùa xuân đến. Bầu trời ngày thêm xanh. Nắng vàng ngày càng rực rỡ. Vườn cây lại đâm chồi, nảy lộc. Rồi vườn cây ra hoa. Hoa bưởi nồng nàn. Hoa nhãn ngọt. Hoa cau thoảng qua. Vườn cây lại đầy tiếng chim và bóng chim bay nhảy. Những thím chích chòe nhanh nhẩu. Những chú khướu lăm điều. Những anh chào mào đom đóm. Những bác cu gáy trầm ngâm.

Bài 6. Em hãy dùng gạch chéo (/) tách bộ phận trả lời câu hỏi *Ai (cái gì, con gì)* và *Là gì?*; *Làm gì?*; *Thế nào?*:

- a) Đường lên dốc trơn và lầy.
- b) Người nọ đi tiếp sau người kia.
- c) Đoàn quan đột ngột chuyển mạnh.
- d) Những đám rừng đỏ lên vì bom Mỹ.
- e) Những khuôn mặt đỏ bừng.

**Bài 7. Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì?)*.
Gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Làm gì?*.**

- a) Mặt ao sủi bọt, nổi lên từng đám rêu.
- b) Khi một ngày mới bắt đầu, tất cả trẻ em trên thế giới đều cắp sách đến trường.

**Bài 8. Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì?)*.
Gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Thế nào?*.**

- a) Cảnh rừng Việt Bắc rất đẹp.
- b) Con người Việt Bắc cần cù lao động, đánh giặc giỏi, ân tình thủy chung.

**Bài 9. Gạch 1 gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi *Ai (cái gì, con gì?)*.
Gạch 2 gạch dưới bộ phận trả lời câu hỏi *Là gì?*.**

- a) Mùa xuân của Hạ Long là mùa sương và cá mực.
- b) Giữa Hồ Gươm là Tháp Rùa tường rêu cổ kính xây trên gò đất cỏ mọc xanh um.

Bài 10. Em hãy viết tiếp các câu theo mẫu:

a) Ai là gì?

Bạn lớp trưởng

[illegible]

Cặp sách

[illegible]

b) Ai làm gì?

Các bạn học sinh

[illegible]

Cả nhà em

[illegible]

c) Ai thế nào?

Đại bàng

[illegible]

Bầu trời

[illegible]

Bài 11. Em hãy đặt câu hỏi cho các bộ phận in đậm dưới đây:

a) Cheo leo là loài thú nhút nhát, sống trong rừng.

[illegible]

b) Các học sinh góp sách vở giúp các bạn vùng lũ.

[illegible]

c) Mẹ âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng.

Dạng 5: Biện pháp tu từ



Bài 1. Câu nào có các sự vật được so sánh với nhau (Chọn nhiều đáp án)?

- A. Con là người chiến sĩ anh dũng trong trận chiến khốc liệt kia.
- B. Ngọn lửa như một con quỷ dữ.
- C. Màn sương trắng buông nhẹ trên mặt sông như che chở cho giấc ngủ yên lành.
- D. Màu đỏ của tên đất nhắc đến màu máu và màu cờ.

Bài 2. Câu nào có các sự vật được so sánh với nhau (Chọn nhiều đáp án)?

- A. Đêm tối ở thành phố ồn ào, sôi động chứ không yên tĩnh như ở quê.
- B. Cả đàn ong là một khối hoà thuận.
- C. Cây mai cao trên hai mét, dáng thanh, thân thẳng như thân trúc.

Bài 3. Gạch chân dưới các hình ảnh so sánh trong những câu văn sau:

- a) Nắng như tấm màn mỏng không lồ nhà ai đang căng phơi bị cuốn ngay lại.
- b) Những chiếc xe ben màu xanh lá mạ trông như con cào cào chạy rất nhanh.
- c) Mỗi bông hoa cỏ may như một cái tháp xinh xắn, lộng lẫy, nhiều tầng.
- d) Bà tỏ ra sung sướng như một đứa trẻ.

Bài 4. Gạch chân dưới các hình ảnh so sánh trong những câu sau:

- a) Trên trời mây trắng như bông
Ở giữa cánh đồng, bông trắng như mây.
- b) Miệng cười như thể hoa ngâu
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

Bài 5. Hình ảnh so sánh trong câu “Ngọn gió thổi êm ả như ru, có lúc phàn phật như ai quạt, mang cái trong lành tươi mát của đại dương vào đất liền, làm sáng khoái tâm hồn ta.” Thuộc cách so sánh nào?

- A. So sánh sự vật với sự vật.
- B. So sánh âm thanh với âm thanh.
- C. So sánh hoạt động với hoạt động.
- D. So sánh sự vật với hoạt động.

Bài 6. Em hãy ghi vào chỗ trống các sự vật được so sánh với nhau trong các câu văn và đoạn thơ sau:

a)

Trăng ơi từ đâu đến
Hay biển xanh diệu kì
Trăng tròn như mắt cá
Chẳng bao giờ chớp mi.

[illegible]

b)

Bà em ở làng quê
Lưng còng như dấu hỏi.

[illegible]

Bài 7. Em hãy ghi vào chỗ trống những sự vật nào được so sánh với nhau?

a) Cái trống to như một chiếc vại lớn, đặt sừng sững trên một cái giá cao.

[illegible]

b) Tiếng đàn tơ-rưng khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo.

[illegible]

c) Ngọn cau xoè ra như chiếc ô để ngược, còn nõn cau như mũi kiếm đâm vút lên trời.

[illegible]

Bài 8. Các câu sau đây sử dụng kiểu so sánh nào?

- a) Ngôi nhà như trẻ nhỏ.

[illegible]

- b)** Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

[illegible]

- c) Con trâu chân đi như đập đất.

[illegible]

Bài 9. Em hãy điền vào chỗ trống hoàn chỉnh hình ảnh so sánh về cây bàng trong từng câu dưới đây:

Mùa xuân lá bàng mới nảy trông như

[illegible]

Những chiếc lá bàng mùa đông đỏ như

[illegible]

Bài 10. Em hãy viết lại các câu văn sau sao cho sinh động bằng cách sử dụng các hình ảnh so sánh.

- a) Con sông quê em quanh co uốn khúc.

[illegible]

- b)** Tiếng mưa rơi âm âm xáo động cả một vùng quê yên bình.

[illegible]

Bài 11. Câu văn nào có sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa?

- A. Những chị mây trắng đang nô đùa trên bầu trời xanh thẳm.
- B. Người bác sĩ già đeo cái ống nghe như chiếc vòng bạc.
- C. Con gà trống gáy vang ò...ó...o....
- D. Bông hoa hồng nở trong ánh nắng.

Bài 12. Sự vật được nhân hóa trong câu “Những mầm cây chọt tỉnh giấc sau một thời gian dài.” là:

- A. Những mầm cây
- B. mầm cây
- C. tỉnh giấc
- D. thời gian

Bài 13. Sự vật được nhân hóa trong câu “Những chú dế đi ngắm cảnh thiên nhiên sau trận mưa.” là:

- A. Những chú dế
- B. ngắm cảnh
- C. trận mưa
- D. thiên nhiên

Bài 14. Em hãy tìm từ ngữ dùng để nhân hóa trong câu sau: “Ngày mai muông thú trong rừng mở hội thi chạy để chọn con vật chạy nhanh nhất.”

- A. muông thú
- B. chạy nhanh
- C. mở hội thi
- D. rừng

Bài 15. Em hãy tìm từ ngữ dùng để nhân hóa trong câu sau: “Trong họ hàng nhà chổi thì cô bé Chổi Rơm thuộc loại xinh xắn nhất.”

- A. họ hàng nhà chổi
- B. cô bé
- C. xinh xắn
- D. Tất cả các đáp án trên

Bài 16. Khổ thơ sau có mấy sự vật được nhân hóa?

Tre, trúc thổi nhạc sáo

Khe suối gảy nhạc đàn

Cây rủ nhau thay áo

Khoác bao màu tươi non.

- A. 1 sự vật
- C. 3 sự vật
- B. 2 sự vật
- D. 4 sự vật

Bài 17. Em hãy khoanh vào cách sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hoá trong câu thơ dưới đây (được chọn nhiều đáp án):

Cậu mè ã dậy từ lâu
Cái tay rửa mắt, cái đầu nghiêng nghiêng.

- A.** Gọi sự vật bằng những từ ngữ dùng để gọi người.
B. Nói, xưng hô với sự vật thân mật như nói với người.
C. Tả sự vật bằng những từ ngữ dùng để tả người.

Bài 18. Gạch chân dưới các hình ảnh nhân hoá trong những câu sau:

- a) Con dê quê tôi đã phơi mình ra cần cù hàng ngàn năm mà không hề mệt mỏi.
- b) Chị tre chải tóc bên ao

Chị tre chải tóc bên ao
Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương
Bác nôi đồng hát bùng boong
Bà chổi loẹt quẹt lom khom trong nhà

- | | | |
|----|---------------------|---------------------|
| c) | Cái trống trường em | Buồn không hả trống |
| | Mùa hè cũng nghỉ | Trong những ngày hè |
| | Suốt ba tháng liền | Bọn mình đi vắng |
| | Trống nằm ngấm nghỉ | Chỉ còn tiếng ve... |

Bài 19. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

Hôm nay trời nắng chang chang
Mèo con đi học chẳng mang thứ gì
Chỉ mang một chiếc bút chì
Và mang một mẩu bánh mì con con.

(Mèo con đi học - Phan Thị Vàng Anh)

- a)** Bài thơ trên đã nhân hóa con vật nào?

[illegible]

- b)** Con vật đó đã được nhân hóa bằng cách nào?

[illegible]

Bài 20. Với mỗi từ dưới đây em hãy viết 1 câu trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá:

a) Cái trống trường em

b) Cây bàng

c) Cái cặp sách

d) Cái chổi

Bài 21. Đọc các câu dưới đây và cho biết:

1. Quả sim giống hệt một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy.

2. Như một bà mẹ thương con, cây nhãn dồn tất cả sữa ngọt sữa ngon của mình lên các chùm quả.

3. Những quả nhân no đầy sữa mẹ ngày lại ngày dầm mưa hè, phơi nắng hè đã chín ngọt lự.

a) Câu nào sử dụng biện pháp so sánh?

b) Câu nào sử dụng biện pháp nhân hoá?

c) Câu nào sử dụng cả 2 biện pháp so sánh và nhân hoá?

Dạng 6: Các bộ phận của câu



Bài 1. Em hãy gạch chân dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “*Khi nào?*” trong các câu sau:

- a) Bỏ em tan ca khi trời vừa sáng.
- b) Chiều mai, chúng em được vui chơi ngoài trời.
- c) Chúng em sẽ học tập tốt hơn trong học kì 2.
- d) Mặt trời xuống núi khi hoàng hôn buông xuống.
- e) Nhận được tin dữ, Hai Bà Trưng lập tức kéo về thành Luy Lâu hỏi tội kẻ thù.
- g) Mùa thu, bầu trời trong xanh không một gợn mây.

Bài 2. Em hãy đọc đoạn văn sau và thực hiện theo yêu cầu:

Trong kháng chiến họ là những người đã chiến đấu quên mình để xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Khi đất nước sạch bóng quân thù họ lại cùng nhau xây dựng đất nước ngày một tươi đẹp. Bất kì thời đại nào cũng có rất nhiều người như thế.

- a) Em hãy đặt dấu phẩy vào chỗ còn thiếu trong đoạn văn trên.
- b) Gạch chân dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “*Khi nào?*”.

Bài 3. Em hãy đặt dấu phẩy vào những chỗ còn thiếu trong các câu văn sau.
Sau đó em hãy gạch chân dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “*Ở đâu?*”

- a) Ở bên kia sông một nhà máy mới đang được xây dựng.
- b) Trong phòng thí nghiệm các nhà bác học đang miệt mài nghiên cứu.
- c) Ngoài đồng bà con nông dân đang hăng say thu hoạch lúa.
- d) Trên sườn đồi đàn cò béo mập đang ung dung gặm cỏ.

Bài 4. Em hãy gạch chân dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “*Bằng gì?*” trong các câu sau:

- a) Mái nhà của chim được lợp bằng lá biếc, mái nhà của cá được làm bằng những làn sóng xanh.

- b) Mái nhà chung của muôn vật được lợp bằng tia nắng, đan bằng tiếng chim.
- c) Các em học sinh ở Lúc-xăm-bua đã hát tặng đoàn đại biểu Việt Nam bài hát “Kìa con bướm vàng” bằng tiếng Việt.
- d) Chị Hiền đã kết thúc màn trình diễn võ thuật của mình bằng một động tác tung người hấp dẫn.

Bài 5. Bộ phận in đậm trong câu “*Bạn Lan trông em để mẹ làm việc.*” trả lời cho câu hỏi nào?

- A. Làm gì?
- B. Như thế nào?
- C. Để làm gì?
- D. Vì sao?

Bài 6. Bộ phận in đậm trong câu “*Thỏ chạy nhanh như tia chớp.*” trả lời cho câu hỏi nào?

- A. Để làm gì?
- B. Ở đâu?
- C. Như thế nào?
- D. Vì sao?

Bài 7. Câu hỏi Để làm gì? dùng để hỏi về:

- A. Thời gian
- B. Địa điểm
- C. Mục đích
- D. Đặc điểm

Bài 8. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch chân trong câu sau: “Để Đạt không khóc nữa, Hưng đã nhường đồ chơi cho em.”

- A. Để Đạt không khóc nữa, Hưng đã làm gì?
- B. Hưng đã nhường đồ chơi cho em để làm gì?
- C. Vì sao Đạt khóc?
- D. Khi nào Hưng đã nhường đồ chơi cho em?

Bài 9. Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch chân trong câu sau: “*Lan đang ngồi cắt những tàu lá chuối để tối mẹ về gói bánh.*”

- A. Lan đang ngồi cắt những tàu lá chuối khi nào?
- B. Lan đang ngồi cắt những tàu lá chuối để làm gì?
- C. Lan đang ngồi cắt những tàu lá chuối như thế nào?

Bài 10. Em hãy đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm:

- a) Cao Bá Quát nổi tiếng là người **đọc nhiều, hiểu rộng**.

[illegible]

- b)** Chú gà trống thổi kèn **rất** hay.

[illegible]

- c) Những người xem triển lãm **mải mê** ngắm nhìn bức tranh.

[illegible]

- d)** Mô-da là một nhạc sĩ thiên tài.

[illegible]

- e) Cầu thủ Quang Hải đá bóng rất điêu luyện.

[illegible]

Bài 11. Em hãy gạch chân dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “*Vì sao?*”.

Sau đó em đặt câu hỏi cho bộ phận vừa tìm được ở mỗi câu dưới đây:

- a) Vì thương dân, Chữ Đồng Tử và Tiên Dung đi khắp nơi dạy dân cách trồng lúa, nuôi tằm, dệt vải.

[illegible]

- b)** Vì nhớ ơn Chủ Đông Tử, nhân dân lập đền thờ ông và mỗi dịp mùa xuân lại nô nức làm lễ, mở hội để tưởng nhớ ông.

c) Nhưng rồi tôi vui vẻ nhận lời vì đó là những việc làm tôi đã nói trong bài văn.

d) Vì ham chơi, em đã quên làm bài tập cô giao.

e) Em không đạt kết quả học tập tốt vì không chăm học trong học kì vừa qua.

Bài 12. Em hãy gạch chân dưới bộ phận câu trả lời cho câu hỏi “*Để làm gì?*”.
Sau đó em đặt câu hỏi cho bộ phận vừa tìm được ở mỗi câu dưới đây:

a) Người tứ xứ đổ về như nước chảy để xem mặt, xem tài ông Cản Ngũ.

b) Đàn cá hồi gặp thác phải nghỉ lấy lại sức để sáng mai vượt sóng.

c) Sáng hôm ấy để kịp đi xem hội, Sẻ Non đã dậy rất sớm.

Bài 13. Em hãy đặt câu hỏi cho các bộ phận câu được in đậm:

a) Trương Vĩnh Ký hiểu biết rất rộng.

[illegible]

b) Ê-đi-xơn làm việc **miệt mài** suốt ngày đêm.

[illegible]

c) Ở nhà văn hóa thiếu nhi, chúng em **chơi thể thao, học hát và múa.**

[illegible]

d) Hằng năm cứ vào dịp Tết, người dân làm bánh chưng, bánh dày cúng tổ tiên.

[illegible]

e) Cô ấy là người **thông minh nhất** mà tôi từng gặp.

[illegible]

9) **Bác nông dân đang cấy lúa trên đồng ruộng.**

[illegible]

h) Bọn trẻ xóm em hay thả diều ở ngoài chân đồi.

[illegible]



Dạng 7: Mở rộng vốn từ

Bài 1a. Từ nào sau đây phù hợp với đặc tính của trẻ em?

- A. thông thả
- B. trầm ngâm
- C. hồn nhiên
- D. nhu mì

Bài 1b. Từ nào dưới đây chỉ tính nết của trẻ em?

- A. ngan ngỗng
- B. xoan đào
- C. nhà cửa
- D. ngoan ngoãn

Bài 1c. Từ nào dưới đây chỉ tình cảm?

- A. bạn bè
- B. kẻ thù
- C. thương yêu
- D. ngoan ngoãn

Bài 1d. Gạch chân dưới các từ chỉ trẻ em:

thiếu niên, thiếu thốn, thiếu nhi, vải thiều, nhi đồng, búp măng

Bài 1e. Từ nào dưới đây có nghĩa là trẻ em?

- A. viện nhi
- B. nhi nhí
- C. nhi đồng

Bài 1g. Từ nào dưới đây có nghĩa là trẻ em?

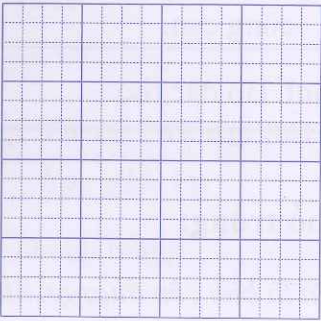
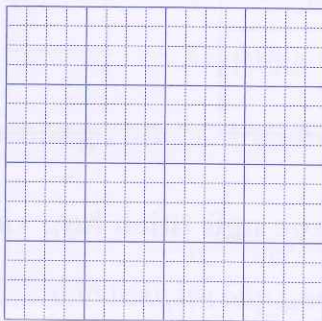
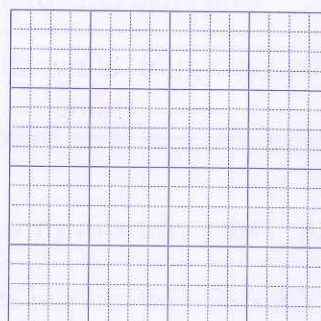
- A. thanh niên
- B. búp sen
- C. thiếu nhi

Bài 2a. Gạch chân dưới những từ chỉ những người trong gia đình:

bố mẹ, thầy cô, ông bà, bạn bè, anh chị, hàng xóm, cô chú, trường thôn, bác bá, dì cậu

Bài 2b. Xếp các thành ngữ, tục ngữ dưới đây theo nhóm phù hợp:

Con có cha như nhà có nóc; Con hiền cháu thảo; chị ngã em nâng;
Con cái khôn ngoan/ Vẻ vang cha mẹ; Con có mẹ như măng ấp bẹ.

Cha mẹ đối với con cái	Con cháu đối với ông bà, cha mẹ	Anh chị em đối với nhau
		

Bài 2c. Câu thành ngữ sau thuộc nhóm chủ đề nào?

“Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần”.

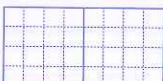
- A. Con cháu đối với ông bà. B. Anh chị em đối với nhau.
C. Cha mẹ đối với con cái. D. Con cháu đối với cha mẹ.

Bài 2e. Em hãy chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống:

anh em, đùm bọc, tay chân, em

“Anh  nào phải người xa

Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân

 như thể 

Rách lành , dở hay đỡ đần.”

(Ca dao)

Bài 2g. Em hãy nói các câu thành ngữ, tục ngữ với nội dung phù hợp:

Vợ chồng đối với nhau
Con cháu đối với ông bà
Những người cùng chung huyết thống

Một giọt máu đào, hơn ao nước lã.
Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn.
Kính lão đắc thọ.

Bài 2h. Điền câu thành ngữ, tục ngữ thích hợp vào chỗ trống:

Cha mẹ dặn: anh chị em trong nhà thì phải biết ..., nghĩa là biết yêu thương, nhường nhịn nhau.

- A. con hiền cháu thảo. B. chị ngã em nâng.
C. lá lành đùm lá rách. D. thương người như thể thương thân.

Bài 3a. Từ có 2 tiếng (8 chữ cái) bắt đầu bằng chữ “d” có nội dung: Đi thành hàng ngũ đi qua lễ đài hoặc đường phố để biểu dương sức mạnh là:

- A. diễu hành B. dồn dập
C. dọn dẹp D. duyệt binh

Bài 3b. Từ gồm 3 tiếng, bắt đầu bằng chữ “s”: chỉ loại sách dùng để dạy và học trong nhà trường là:

- A. sách giáo khoa B. sách tài liệu
C. sách tham khảo D. sách giáo viên

Bài 3c. Từ gồm 3 tiếng, bắt đầu bằng chữ “T”, chỉ lịch học trong nhà trường là:

- A. lịch vạn niên B. bảng tin tức
C. lịch công tác D. thời khóa biểu

Bài 3d. Từ gồm 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ “C”, chỉ những người có nghĩa là phụ huynh học sinh là:

- A. cô bác B. cha mẹ
C. con cái D. cô chú

Bài 3e. Từ có 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ “R”: *Chỉ thời gian nghỉ giữa buổi học là:*

- A. ra rả
- B. ra chơi
- C. ra về
- D. ra vào

Bài 3g. Từ có 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ “L”, *ý chỉ có thói xấu này thì không thể học giỏi là:*

- A. chềnh mảng
- B. chăm học
- C. lơ đãng
- D. lười học

Bài 3h. Từ có 2 tiếng, bắt đầu bằng chữ “T”: *chỉ sự hiểu nhanh, tiếp thu nhanh, xử trí nhanh là:*

- A. tinh tường
- B. thông minh
- C. tinh quái
- D. thông hiểu

Bài 3i. Từ có hai tiếng, bắt đầu bằng chữ “G”: *Hoạt động truyền đạt của giáo viên dành cho học sinh, được gọi là:*

- A. gắn bó
- B. giải thích
- C. gần gũi
- D. giảng bài

Bài 4a. Nối các từ sau với những nghĩa tương ứng:

Cộng đồng
Đồng hương
Đồng bào
Đồng đội

những người cùng sống trong một tập thể, gắn bó với nhau.
người cùng một giống nòi.
người cùng một hàng ngũ, đội ngũ.
người cùng quê hương.

Bài 4b. Phân loại các từ sau thành hai nhóm:

đồng hương, đồng cảm, đồng đội, cộng đồng, đồng bào, cộng tác, đồng tâm, đồng tình

Từ chỉ người trong cộng đồng	Từ chỉ thái độ, hoạt động trong cộng đồng

Bài 4c. Nối các từ sau với những nghĩa tương ứng:

Cộng tác	cùng chung ý kiến, quan điểm.
Đồng tâm	cùng làm chung một việc.
Đồng tình	cùng một lòng.
Đồng ý	cùng chung suy nghĩ, tình cảm.

Bài 4d. Nối các câu thành ngữ sau với ý nghĩa tương ứng:

Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại	Bàng quan trước vận hạn, khó khăn của người khác.
Chung lưng đấu cật	Sống trọn tình trọn nghĩa, hết lòng vì nhau.
Ăn ở như bát nước đầy	Góp sức để cùng giải quyết những khó khăn chung.

Bài 5. Gạch chân dưới những từ có thể thay thế được từ “quê hương” trong đoạn văn sau:

Tây Nguyên là quê hương của tôi. Nơi đây, tôi đã lớn lên trong điệu vãi thân thương của má, trong tiếng ngân vang của dòng thác, trong hương thơm ngào ngạt của núi rừng.

quê quán, quê cha đất tổ, đất nước, giang sơn, nơi chôn rau cắt rốn

Bài 6a. Phân loại các từ sau thành hai nhóm:

má, mẹ, anh hai, anh cả, bố, ba

Từ dùng ở miền Bắc	Từ dùng ở miền Nam

Bài 6b. Phân loại các từ sau thành hai nhóm:

quả, bông, bát, chén, trái, hoa

Từ dùng ở miền Bắc	Từ dùng ở miền Nam

Bài 6c. Gạch chân dưới các từ thường dùng ở miền Nam:

hoa, bông, dừa, thơm, ngan, vịt xiêm, trứng vịt, hột vịt

Bài 6d. Từ in đậm trong câu thơ sau có nghĩa là gì?

“Nỗi niềm **chi rứa** Huế ơi
Mà mưa xối xả trắng trời Thừa Thiên.”

- A.** lúc nào **B.** gì thế
C. vì sao **D.** có rằng

Bài 6e. Từ in đậm trong khổ thơ sau có nghĩa là gì?

“Gan **chi** gan **rủa**, mẹ nò?
Mẹ rằng: Cứu nước, mình chờ **chi** ai?
Chẳng bằng con gái, con trai
Sáu mươi còn một chút tài đồ đưa
Tàu bay **hắn** bắn sớm trưa
Thì **tui** cú việc nắng mưa đưa đồ...”

(Tổ Hữu)

[illegible]

Bài 8a. Dòng nào dưới đây không phải tên tỉnh và thành phố ở nước ta?

- A. Hà Nội, Hải Phòng B. Đà Nẵng, Sài Gòn
C. Đắk Lắk, Kon Tum D. Bắc Kinh, Thượng Hải

Bài 8b. Phân loại các từ sau thành hai nhóm:

Đồng Nai, huyện Cần Giò, Hải Phòng, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, xã Cao Phong

Thành thị	Nông thôn

Bài 8c. Phân loại các từ sau thành hai nhóm:

cày cuốc, nghề nông, nhà cao tầng, cầu vượt, ô tô, nhà lá, xe máy, con trâu, đường đất

Thành thị	Nông thôn

Bài 9a. Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ “*Tổ quốc*”? (Khoanh nhiều đáp án)

- A. đất nước B. quê hương C. cơ đồ ông cha
D. nước non E. non sông G. nước nhà

Bài 9b. Gạch chân dưới những từ đồng nghĩa với từ “*bảo vệ*”:

bảo vật, dựng xây, giữ gìn, bảo hiểm, bảo tàng, bảo bối, bảo ban, bảo quản

Bài 9c. Những từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ “*xây dựng*”?

A. kiến thiết

B. kiến thức

C. xây đắp

D. kiến tạo

E. xây lớp

G. giữ gìn

Bài 10a. Phân loại các từ sau thành hai nhóm:

kỹ sư, thiết kế, nhà báo, bác sĩ, chữa bệnh, giáo viên, giảng bài, nghiên cứu, viết báo

[illegible]

Bài 10b. Ghép các từ chỉ trí thức với những hoạt động của trí thức tương ứng:

bác sĩ
nhà khoa học
cô giáo
kỹ sư

thiết kế, xây dựng, đo đạc
khám chữa bệnh
nghiên cứu, phát minh, sáng chế
giảng bài, dạy học

Bài 11a. Ghép các từ chỉ trí thức với những hoạt động của trí thức tương ứng:

ảo thuật, quay phim, hội họa, múa rối, điện ảnh, ca hát, cải lương, vẽ tranh, diễn viên, nhà thơ, kịch nói, diễn kịch, kiến trúc sư, đóng phim, múa, nhạc sĩ, nhà ảo thuật, ca sĩ

Từ chỉ người	Từ chỉ hoạt động	Từ chỉ các môn (thể loại)

Bài 11b. Nối các dòng sau sao cho hợp lý:

Chỉ những người hoạt động nghệ thuật	điện ảnh, kịch nói, cải lương, ảo thuật, múa rối, hội họa, kiến trúc, thơ văn,...
Chỉ các hoạt động nghệ thuật	diễn viên, ca sĩ, nhà văn, nhà thơ, nhà ảo thuật, nhạc sĩ, kiến trúc sư, nhà soạn kịch,...
Chỉ các môn nghệ thuật	đóng phim, ca hát, múa, vẽ tranh, biểu diễn, viết kịch, nặn tượng, quay phim, thiết kế công trình kiến trúc,...

Bài 12a. Nối các từ với nghĩa thích hợp:

Lễ	Cuộc vui tổ chức cho đông người dự theo phong tục hoặc nhân dịp đặc biệt.
Hội	Các nghi thức nhằm đánh dấu hoặc kỉ niệm một sự kiện có ý nghĩa.
Lễ hội	Hoạt động tập thể có cả phần lễ và phần hội.

Bài 12b. Em hãy điền từ vào cột tương ứng:

hội chọi trâu, Hội Đền Hùng, ném còn, đua thuyền, Hội Lim, hội vật, đấu vật, Hội Bà Chúa Kho, chọi trâu, Hội Chùa Hương, hội bơi trải.

[illegible]

Bài 12c. Nói tên các lễ hội với những mô tả về lễ hội ấy:

Hội Đền Hùng (Phú Thọ)	Mọi người tẩy hội, dâng hương, hành trình trở về miền đất Phật.
Lễ hội chùa Hương (Mỹ Đức)	Nhân dân dâng hương tưởng nhớ các vị vua đã có công dựng nước và giữ nước.
Hội Lim (Bắc Ninh)	Là lễ hội dân gian truyền thống với những hoạt động nổi bật như hát Quan họ, rước kiệu,...

Bài 13a. Gạch chân dưới tên những môn thể thao bắt đầu bằng tiếng “bóng”:

bóng đá, ném đĩa, bóng chuyền, chạy vượt rào, bóng rổ, đua xe, bóng nước, nhảy cao

Bài 13b. Gạch chân dưới tên những môn thể thao bắt đầu bằng tiếng “chạy”:

chạy việt dã, bóng đá, chạy vượt rào, đua xe đạp, chạy ma-ra-tông, nhảy cao, chạy bộ

Bài 13c. Gạch chân dưới tên những môn thể thao bắt đầu bằng tiếng “đua”:

đua xe đạp, bóng đá, đua mô-tô, bóng ném, đua ô-tô, nhảy cao, đua thuyền, cầu lông, đua ngựa, bóng bàn, đua voi

Bài 13d. Gạch chân dưới những từ ngữ chỉ kết quả thi đấu thể thao có trong câu chuyện sau:

Cao cờ

Một anh nọ thường khoe là mình cao cờ. Có người rủ anh ta đánh ba ván thử xem tài cao thấp thế nào. Đánh cờ xong, anh chàng ra về thì gặp một người bạn. Người bạn hỏi:

- Anh được hay thua?

Anh chàng đáp:

- Ván đầu, tôi không ăn. Ván thứ hai, đối thủ của tôi thắng. Ván cuối, tôi xin hòa nhưng ông ta không chịu.

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin, light blue or grey lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The paper features a uniform grid of small squares formed by thin blue lines. The grid covers the entire surface of the page, which has a slightly off-white or light cream color. There are no margins, text, or other markings on the paper.

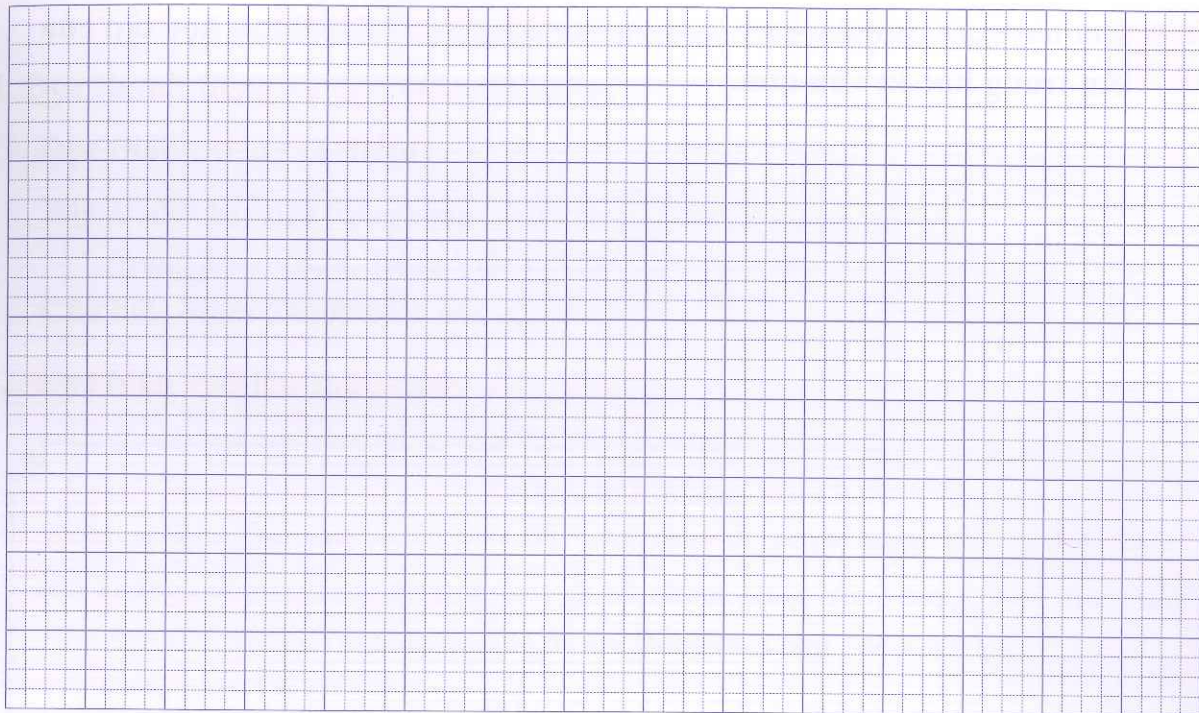
A large grid of graph paper. It features a solid outer border and a dashed inner grid. The grid is composed of 20 columns and 10 rows of squares. The top-left square is shaded gray.

Bài 3. Em hãy viết thư cho bạn nước ngoài để làm quen và bày tỏ tình thân ái.

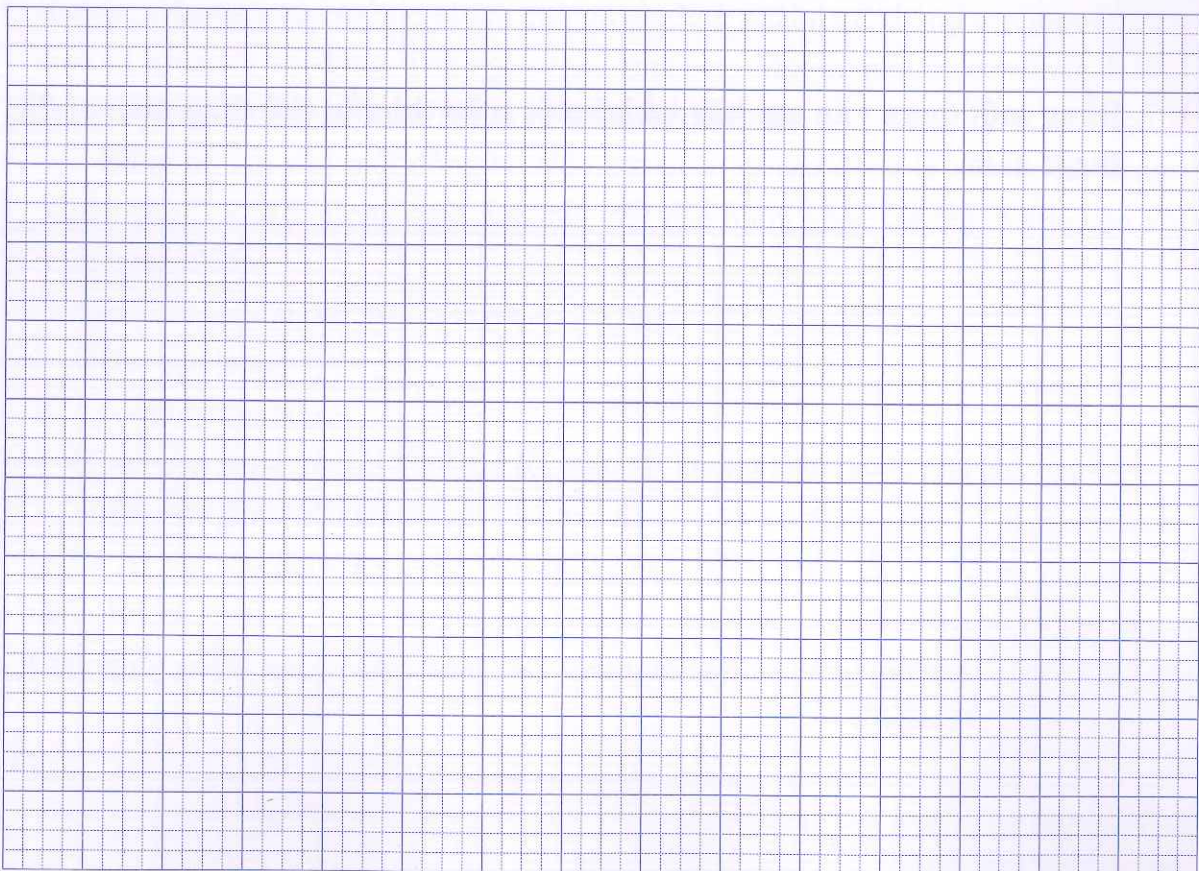
[illegible]

Bài 4. Em hãy viết đoạn văn kể về một người lao động trí óc.

A large grid of graph paper with a dashed midline, intended for drawing a graph. The grid is composed of 20 columns and 10 rows. A vertical dashed line runs down the center, between the 10th and 11th columns. The grid is divided into three horizontal sections by solid lines: the top section has 3 rows, the middle section has 4 rows, and the bottom section has 3 rows. The dashed line is only present in the middle section.



Bài 5. Bằng một đoạn văn em hãy kể về một ngày lễ hội ở quê em.



Bài 6. Em hãy viết thư cho một người thân ở xa kể về tình hình học tập của em trong học kì vừa qua.

A full-page sheet of graph paper. The background is a solid light blue color. Overlaid on this background is a uniform grid of thin, light gray lines. The grid consists of small squares that cover the entire area of the page, leaving a narrow margin at the top and bottom. There are no margins or additional markings on the page.

Bài 7. Bằng một đoạn văn em hãy kể lại một trận thi đấu thể thao mà em đã được xem.

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



I. Đọc thành tiếng và đọc hiểu (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (4 điểm)

Bài: Cuộc chạy đua trong rừng – Từ đầu ... “đến sẽ thắng mà.”

Trang 80 – SGK Tiếng Việt 3 (T2)

Câu hỏi: Ngựa Cha khuyên nhủ con điều gì?

2. Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Nhím con kết bạn

Trong một khu rừng nọ có một chú Nhím chỉ sống một mình, rất nhút nhát nên chú không quen biết bất kì một con vật nào khác sống trong rừng. Vào một buổi sáng đẹp trời, nhím con đi kiếm quả để ăn. Bỗng một chú Sóc nhảy tới và nói:

- Chào bạn! Tôi rất vui được gặp bạn.

Nhím con bối rối nhìn Sóc, rồi quay đầu chạy trốn vào một bụi cây. Nó cuộn tròn người lại mà vẫn run vì sợ. Ngày tháng trôi qua, những chiếc lá trên cây bắt đầu chuyển màu và rụng xuống. Nhím con quyết định phải mau chóng tìm một nơi an toàn và ấm áp để trú đông. Trời ngày càng lạnh hơn. Một hôm nhím con đang đi tìm nơi trú đông thì trời đổ mưa. Nhím sợ hãi cầm đầu chạy.

Bỗng nó lao vào một đồng lá. Nó chợt nhận ra sau đồng lá là một cái hang: “Chào bạn!”. - Một giọng ngái ngủ của một chú nhím khác cất lên. Nhím con vô cùng ngạc nhiên.

Sau khi trấn tĩnh lại. Nhím con bẽn lễn hỏi:

- Tên bạn là gì?

- Tôi là Nhím Nhí.

Nhím con run run nói: “Tôi xin lỗi bạn, tôi không biết đây là nhà của bạn”.

Nhím Nhí nói: “Không có gì. Thế bạn đã có nhà trú đông chưa? Tôi muốn mời bạn ở lại với tôi qua mùa đông. Tôi ở đây một mình buồn lắm.”. Nhím con rụt rè nhận lời và cảm ơn lòng tốt của bạn. Cả hai thu dọn và trang trí chỗ ở gọn đẹp. Chúng rất vui vì không phải sống một mình trong mùa đông gió lạnh.

(Trần Thị Ngọc Trâm)

Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 6. Lớp học của em có một bạn mới từ trường khác chuyển đến. Để giúp bạn hoà nhập với các bạn trong lớp, em sẽ làm gì? (1,0 điểm)

Câu 7. Dấu hai chấm trong đoạn văn sau dùng để làm gì? (0,5 điểm)

Nhím con bẽn lẽn hỏi:

- Tên bạn là gì?
- Tôi là Nhím Nhí.

- A.** Báo hiệu lời giải thích cho một sự việc.
- B.** Báo hiệu lời nói trực tiếp của nhân vật.
- C.** Báo hiệu phần chú thích.
- D.** Báo hiệu từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt.

Câu 8. Gạch dưới bộ phận trả lời cho câu hỏi “Vì sao” trong câu dưới đây. (0,5 điểm)

“Nhím Con và Nhím Nhí rất vui vì chúng không phải sống một mình suốt mùa đông giá lạnh.”

Câu 9. Viết 1 câu sử dụng biện pháp nhân hoá để nói về: (1 điểm)

a) Chiếc lá

[illegible]

b) Bầu trời

[illegible]

II. Chính tả và Tập làm văn (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết (4 điểm – 15 phút)

Lao xao

Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở hoa trắng xóa. Hoa dẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụi bầm thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên. Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cả bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rú nhau lặng lẽ bay đi.

2. Tập làm văn (6 điểm – 35 phút)

Kể về một ngày hội mà em đã chứng kiến hoặc tham gia.

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



I. Đọc thành tiếng và đọc hiểu (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (4 điểm)

Bài: Gặp gỡ ở Lúc-xăm-bua – Từ đầu ... “đến trên in-to-nét.”

Trang 98 – SGK Tiếng Việt 3 (T2)

Câu hỏi: Vì sao các bạn lớp 6A nói được tiếng Việt và có nhiều đồ vật của Việt Nam?

2. Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Tình bạn

Tối hôm ấy, mẹ đi vắng, dặn Cún trông nhà, không được đi đâu. Chợt Cún nghe có tiếng kêu ngoài sân:

- Cứu tôi với!

Thì ra Cáo già đã tóm được Gà con tội nghiệp.

Cún con sợ Cáo nhưng lại rất thương Gà con. Cún nảy ra một kế. Cậu đội mũ sư tử lên đầu rồi hùng dũng tiến ra sân. Cáo già trông thấy hoảng quá, buông ngay Gà con để chạy thoát thân. Móng vuốt của Cáo cào làm Gà con bị thương. Cún liền ôm Gà con, vượt đường xa, vượt đêm tối, chạy một mạch đến nhà bác sĩ Dê núi. Bác sĩ nhanh chóng băng bó vết thương cho Gà con. Gà con run rẩy vì lạnh và đau, Cún liền cởi áo của mình ra đắp cho bạn. Thế là Gà con được cứu sống. Về nhà, Cún kể lại mọi chuyện cho mẹ nghe. Mẹ liền xoa đầu Cún, khen:

- Con đúng là Cún con dũng cảm! Mẹ rất tự hào về con!

Theo Mẹ kể con nghe

Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 1. Thấy Gà con bị Cáo già bắt, Cún con đã làm gì? (0,5 điểm)

- A. Cún con đứng nép vào cánh cửa quan sát.
- B. Cún con không biết làm cách nào vì Cún rất sợ Cáo.
- C. Cún nảy ra một kế là đội mũ sư tử lên đầu rồi hùng dũng tiến ra sân.

Câu 2. Vì sao Cáo già lại bỏ Gà con lại và chạy thoát thân? (0,5 điểm)

- A. Vì Cáo nhìn thấy Cún con.

B. Vì Cáo già rất sợ Sư Tử.

C. Vì Cáo già rất sợ Cún con.

Câu 3. Cún con đã làm những gì để cứu bạn? (Chọn nhiều đáp án) (0,5 điểm)

A. Cún ôm Gà con, vượt đường xa, đêm tối để tìm bác sĩ Dê núi.

B. Cún cời áo của mình ra đắp cho bạn.

C. Cún con sợ Cáo và không làm gì để cứu bạn.

Câu 4. Câu “*Cún liền cởi áo của mình ra đắp cho bạn.*” Thuộc kiểu câu gì? (0,5 điểm)

A. Ai - làm gì?

B. Ai - thế nào?

C. Ai - là gì?

Câu 5. Trong câu: “Cún liền ôm Gà con, vượt đường xa, vượt đêm tối, chạy một mạch đến nhà bác sĩ Dê núi”. Tác giả sử dụng cách nhân hóa nào? (0,5 điểm)

A. Dùng từ chỉ người cho vật.

B. Dùng từ chỉ hành động của người cho vật.

C. Dùng từ chỉ người và hành động của người cho vật.

Câu 6. Vì sao Cún cứu Gà con? (0,5 điểm)

A. Vì Cún ghét Cáo.

B. Vì Cún thương Gà con.

C. Vì Cún thích đội mũ sư tử.

Câu 7. Viết một câu có sử dụng biện pháp nhân hóa để nói về Cún con trong bài.
(1 điểm)

[illegible]

Câu 8. Câu chuyện trên muốn khuyên chúng ta điều gì? (1 điểm)

[illegible]

Câu 9. Đặt dấu hai chấm, dấu phẩy, dấu chấm vào chỗ thích hợp trong câu dưới đây: (1 điểm)

Vịt con đáp

Câu đừng nói thế chúng mình là bạn mà

II. Chính tả và Tập làm văn (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết (4 điểm – 15 phút)

Mùa thu trong trẻo

Trong hồ rộng, sen đang lụi tàn. Những chiếc lá to như cái sàng màu xanh sẫm đã quăn mép, khô dần. Họa hoằn mới còn vài lá non xanh, nho nhỏ mọc xòe trên mặt nước. Gương sen to bằng miệng bát con, nghiêng như muốn soi chân trời. Tiếng cuốc kêu thưa thớt trong các lùm cây lau sậy ven hồ...

Nguyễn Văn Chương

2. Tập làm văn (6 điểm – 35 phút)

Em hãy viết thư cho một người thân ở xa kể về tình hình học tập của em trong năm học vừa qua.

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.



I. Đọc thành tiếng và đọc hiểu (10 điểm)

1. Đọc thành tiếng (4 điểm)

Bài: Mưa – Trang 134 – SGK Tiếng Việt 3 (T2)

Câu hỏi: Tìm những hình ảnh gợi tả cơn mưa trong bài thơ.

2. Đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (6 điểm)

Ong Thợ

Trời hé sáng, tổ ong mật nằm trong gốc cây bỗng hóa rộn rịp. Ong thường thức dậy sớm, suốt ngày làm việc không chút nghỉ ngơi. Ong Thợ vừa thức giấc đã vội vàng bước ra khỏi tổ, cất cánh tung bay. Ở các vườn chung quanh, hoa đã biến thành quả. Ong Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở. Con đường trước mắt Ong Thợ mở rộng thênh thang. Ông mặt trời nhô lên cười. Hôm nào Ong Thợ cũng thấy ông mặt trời cười. Cái cười của ông hôm nay càng rạng rỡ. Ong Thợ càng lao thẳng về phía trước.

Chợt từ xa, một bóng đen xuất hiện. Đó là thằng Quạ Đen. Nó lướt về phía Ong Thợ, xoẹt sát bên Ong Thợ toan đập nuốt. Nhưng Ong Thợ đã kịp lách mình. Thằng Quạ Đen đuổi theo nhưng không tài nào đuổi kịp. Đường bay của Ong Thợ trở lại thênh thang.

Theo Võ Quảng.

Dựa vào nội dung bài đọc trên, khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu của mỗi câu hỏi.

Câu 1. Tổ ong mật nằm ở đâu? (0,5 điểm)

- A. Trên ngọn cây. B. Trên vòm lá. C. Trong gốc cây. D. Trên cành cây.

Câu 2. Tại sao Ong Thợ không tìm mật ở những khu vườn chung quanh? (0,5 điểm)

- A. Vì ở các vườn chung quanh hoa đã biến thành quả.
B. Vì ở các vườn chung quanh có Quạ Đen.
C. Vì ở các vườn chung quanh hoa không có mật.
D. Vì Ong Thợ không thích kiếm mật ở vườn xung quanh.

Câu 3. Quạ Đen đuổi theo Ong Thợ để làm gì? (0,5 điểm)

- A. Để đi chơi cùng Ong Thọ.
- B. Để đi lấy mật cùng Ong Thọ.
- C. Để toan đớp nuốt Ong Thọ.
- D. Để kết bạn với Ong Thọ.

Câu 4. Trong đoạn văn trên có những nhân vật nào? (0,5 điểm)

- A.** Ong Thợ
- B.** Quạ Đen, Ông mặt trời
- C.** Ong Thợ, Quạ Đen
- D.** Ong Thợ, Quạ Đen, Ông mặt trời

Câu 5. Ông Thợ đã làm gì để Quạ Đen không đuổi kịp? (1 điểm)

- A.** Ong Thợ quay lại định đớp nuốt Quạ Đen.
- B.** Ong Thợ nhanh nhẹn lách mình tránh Quạ Đen.
- C.** Ong Thợ bay trên đường bay rộng thênh thang.
- D.** Ong Thợ bay về tổ.

Câu 6. Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của Ong Thợ khi gặp Quạ Đen?
(1 điểm)

Câu 7. Câu nào dưới đây có hình ảnh nhân hóa? (1 điểm)

- A.** Ông mặt trời nhô lên cười.
- B.** Con đường trước mắt Ông Thọ mở rộng thênh thang.
- C.** Chợt từ xa, một bóng đen xuất hiện.
- D.** Nó lướt về phía Ông Thọ, xoẹt sát bên Ông Thọ toan đớp nuốt.

Câu 8. Trong câu “Ông Thợ phải bay xa tìm những bông hoa vừa nở.” Các từ chỉ sự vật trong câu trên là *(1 điểm)*

[illegible]

II. Chính tả và Tập làm văn (10 điểm)

1. Chính tả nghe – viết (4 điểm – 15 phút)

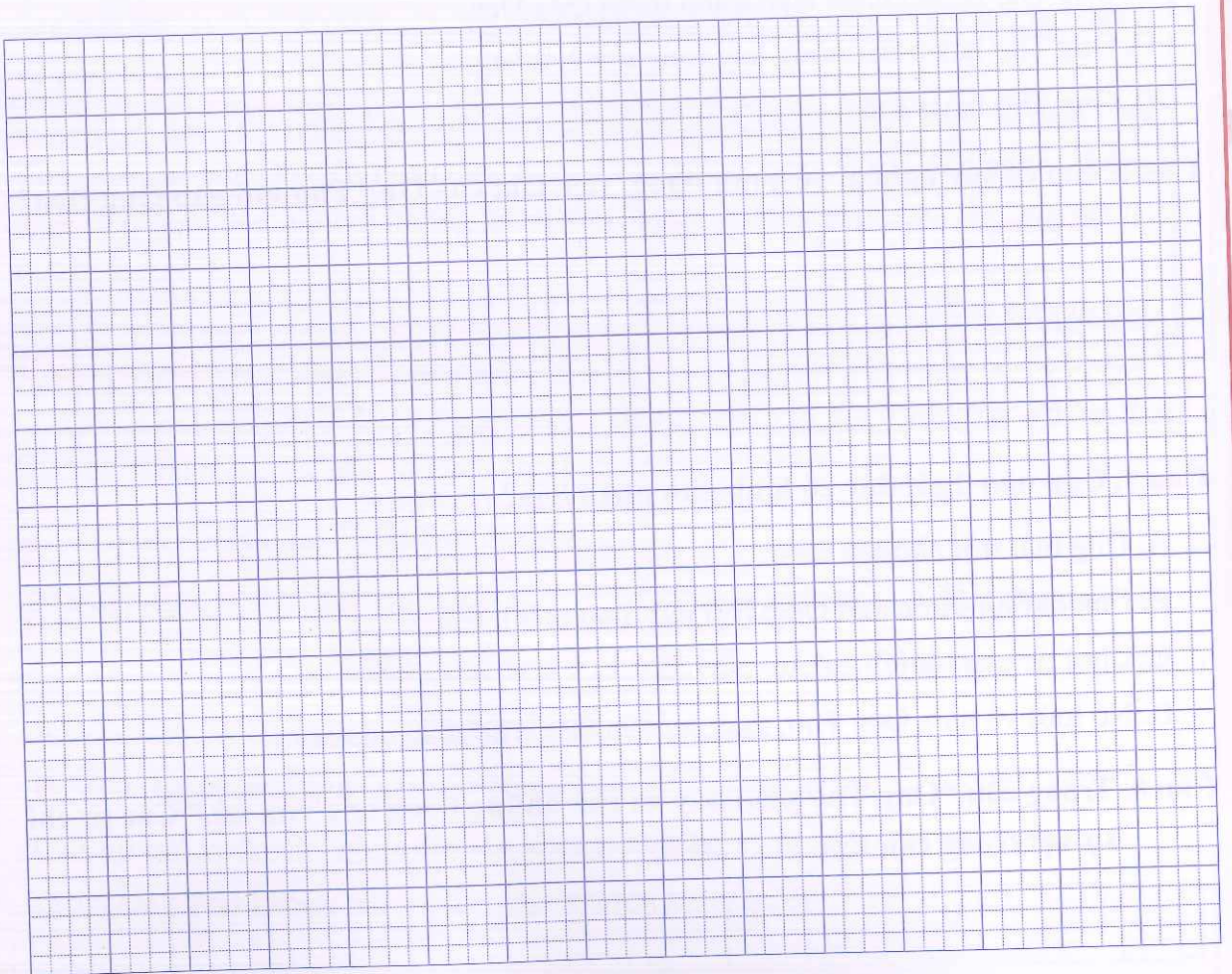
Trên con tàu vũ trụ

Kim đồng hồ chỉ 9 giờ 7 phút. Tôi nghe thấy một tiếng nổ kinh khủng và cảm thấy con tàu đang bay lên một cách chậm chạp.

Mặt đất thông báo: “Đã bay được 70 giây.” Tôi không còn ngồi trên ghế được nữa, mà treo lơ lửng giữa trần và sàn tàu. Tất cả bỗng nhiên nhẹ hẫng. Tay, chân và mọi bộ phận cơ thể như không còn của tôi nữa. Tất cả đồ đạc cũng bay. Suốt thời gian đó, tôi vẫn làm việc, theo dõi các thiết bị của con tàu, ghi chép mọi nhận xét vào cuốn sổ. Có lúc tôi quên mình đang ở đâu, đặt bút chì xuống cạnh người và lập tức nó bay ra xa.

2. Tập làm văn (6 điểm – 35 phút)

Em hãy viết đoạn văn kể về một người lao động trí óc mà em biết.



MỤC LỤC

ÔN HÈ TIẾNG VIỆT 3

HỆ THỐNG KIẾN THỨC TRỌNG TÂM – TIẾNG VIỆT LỚP 3	1
DẠNG 1: CHÍNH TẢ	14
DẠNG 2: TỪ LOẠI	17
DẠNG 3: DẤU CÂU	21
DẠNG 4: KIỂU CÂU	25
DẠNG 5: BIỆN PHÁP TU TỪ	29
DẠNG 6: CÁC BỘ PHẬN CỦA CÂU	35
DẠNG 7: MỞ RỘNG VỐN TỪ	40
DẠNG 8: TẬP LÀM VĂN	53
ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM – SỐ 1	57
ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM – SỐ 2	61
ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM – SỐ 3	64

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4, Tổng Duy Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3825.2916 Website: www.nxbhanoi.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập: **Vũ Văn Việt**

Biên tập: **Đặng Thị Tình**

Thiết kế bìa & trình bày: **Uyển Uyển**

ÔN HÈ TIẾNG VIỆT 3

DÀNH CHO HỌC SINH LỚP 3 LÊN LỚP 4

ISBN: 978-604-359-915-2

Đối tác liên kết xuất bản:

Công ty cổ phần sách Qbooks

Địa chỉ: Số 1, ngõ 192/173/66, Lê Trọng Tấn, P. Định Công,
Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Bản quyền thuộc về Qbooks

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Qbooks.

In 10.000 cuốn, khổ 19 x 26,5cm Tại Công ty CP Thương mại Nguyễn Hoàng

Địa chỉ: Số 44 Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội

Số xác nhận XB: 1082 - 2022/CXBIPH/67 - 74/HN

Theo QĐXB số: 972/QĐ-HN cấp ngày 08/4/2022

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022